

BÀI THỨ BẢY

VII.- CHƯƠNG OAI ĐỨC TỰ TẠI

- 1- Ngài Oai Đức Tự Tại Bồ-tát hỏi Phật
- 2- Phật khen ngài Oai Đức Tự Tại Bồ-tát.
- 3- Phật dạy : Cảnh “Viên Giác” không hai, nhưng phương tiện vào có nhiều đường.
- 4- Tu pháp “Xa-ma-tha”
- 5- Tu pháp “Tam-ma-bát-đề”
- 6- Tu pháp “Thiền-na”
- 7- Tu pháp phương tiện này lợi ích rất lớn.
- 8- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

VII.- CHƯƠNG OAI ĐỨC TỰ TẠI

1.- NGÀI OAI ĐỨC TỰ TẠI BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Oai Đức Tự Tại Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng và chấp tay kính cẩn, đánh lễ dưới chân Phật và quỳ thẳng bạch rằng :

Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, xin Ngài vì chúng con, phân biệt chỉ dạy “phương tiện để nhập Viên Giác tánh”, khiến các vị Bồ-tát nhờ nghe viên âm⁽¹⁾ của Phật mà giác tâm được quang minh, chẳng như tu hành mà vẫn được lợi ích lớn

Bạch Đức Thế Tôn, thí như cái thành lớn (Viên Giác) có bốn cửa (các phương tiện), hành giả muốn vào cửa nào cũng được, đâu phải chỉ có một con đường.

Cũng thế, các vị Bồ-tát tu hành, làm trang nghiêm cõi Phật và thành đạo Bồ-đề đâu chỉ có một phương tiện. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con chỉ dạy các phương tiện tu hành và thứ lớp làm sao, để các vị Bồ-tát trong pháp hội này và chúng sanh đời sau cầu pháp Đại thừa, đều được khai ngộ và mau vào biển Đại tịch diệt (Viên Giác) của Như Lai.

Ngài Oai Đức Tự Tại Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Thành Viên Giác không hai, nhưng cửa phương tiện vào rất nhiều. Xin Phật vì các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tu Đại thừa, chỉ dạy các phương tiện và thứ lớp tu hành như thế nào, để hành giả mau được vào thành Viên Giác.

Kinh Lăng Nghiêm chép : “Quy nguyên tánh vô nhị phương tiện hữu đa môn”. (Trở về tánh “Bản nguyên” thì không hai, nhưng phương tiện đi vào lại có nhiều cửa).

(1) *Viên âm* (là tiếng tròn) : Tiếng nói của Phật đầy đủ ý nghĩa, tùy theo trình độ của người cao thấp đều được hiểu ngộ.



2.- PHẬT KHEN NGÀI OAI ĐỨC TỰ TẠI BỒ-TÁT

Khi đó Đức Thế Tôn khen Ngài Oai Đức Tự Tại Bồ-tát và dạy rằng :

– **Này Thiện nam, quý lắm ! Ông vì các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về các phương tiện tu hành. Ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ dạy.**

Khi đó Ngài Oai Đức Tự Tại cùng với Đại chúng cùng yên lặng, chăm chú và hoan hỷ nghe lời Phật chỉ giáo.

3.- PHẬT DẠY : CẢNH “VIÊN GIÁC” KHÔNG HAI NHƯNG PHƯƠNG TIỆN VÀO CÓ NHIỀU ĐƯỜNG

– **Này Thiện nam ! Tánh Viên Giác nhiệm mầu vô thượng này, nó trùm khắp cả mười phương và sanh ra chư Phật cùng tất cả các pháp. Bởi**

tất cả chúng sanh cùng với chư Phật đồng một bản thể bình đẳng không khác, nên người tu hành khi đã trở về tánh Viên Giác, thì thật ra không có hai nơi; song những phương tiện để nhập tánh Viên Giác lại có vô lượng.

Vì trình độ của chúng sanh không đồng, nên các phương tiện trở về tánh Viên Giác có sai khác, nhưng không ngoài ba phương tiện sau này.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói: Viên Giác không hai, song phương tiện tu hành để nhập Viên Giác thì có nhiều pháp. Nhưng không ngoài ba pháp môn là: Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu ở sau đây.



4.- TU PHÁP “XA-MA-THA” (TỨC LÀ TU CHỈ HOẶC GỌI LÀ TU ĐỊNH)

– Nay Thiện nam ! Nếu các Bồ-tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh rồi, thì y theo tâm Viên Giác thanh tịnh này mà giữ cái hạnh yên lặng và lóng các vọng niệm. Khi các giác quan vọng thức phiền động đã lặng rồi, thì trí huệ thanh tịnh phát sanh. Lúc bấy giờ cái thân tâm hư vọng sanh diệt như khách và nhiễm ô như bụi này, từ đây diệt hết. Khi đó trong nội tâm của hành giả sanh ra vắng lặng và nhẹ nhàng thư thối (tịch tịnh khinh an) nên chư Phật trong mười phương thế giới đều hiện ra trong tâm của hành giả, rất rõ ràng như bóng hiện trong

gương. Phương tiện tu hành như thế, gọi là “Xa-ma-tha”.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật nói : “Bồ-tát khi ngộ được tánh Viên Giác thanh tịnh rồi, thì dùng tâm thanh tịnh này để lóng các phiền não vọng thức. Khi các căn cấu phiền não đã lóng đứng rồi, thì trí huệ thanh tịnh phát sanh. Lúc bấy giờ hành giả quan sát lại thân tâm hư vọng như khách, huyễn hóa lằng xằng như bụi đều diệt hết (ngã, pháp không còn).

Bởi các vọng hoặc nhiễm ô đã diệt hết, tâm được thanh tịnh, nên 10 phương chư Phật hiện ra trong tâm của hành giả. Cũng như ly nước được lóng trong, thì các bóng ngoài hiện vào, Kinh chép : “Chúng sanh tâm nhược tịnh, Bồ-đề ảnh hiện trung” (Nếu tâm chúng sanh được thanh tịnh, thì bóng Bồ-đề tự hiện vào).

Lưu ý : Trong Kinh này nói : “Chỉ, Quán”, không đồng với “Chỉ, Quán” của Tiểu thừa. Vì “Chỉ, Quán” của Tiểu thừa là phải dùng phương tiện của bên ngoài để tu. Còn lối “Chỉ, Quán” của Đại thừa là xứng theo bản thể của chơn tâm mà “Chỉ” và “Quán”, nên có phần cao siêu hơn.



5.- TU PHÁP “TAM-MA-BÁT-ĐỀ” (TỨC LÀ TU QUÁN, HOẶC GỌI LÀ HUỆ)

– Nay Thiện nam ! Nếu các Bồ-tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh rồi, thì y theo tâm Viên Giác thanh tịnh mà quán sát tâm tánh, thân căn và trần cảnh này đều là vật huyễn hóa. Lúc bấy giờ Bồ-tát khởi ra cái trí như huyễn để trừ các pháp như huyễn; làm các hạnh như huyễn để hóa độ chúng sanh như huyễn. Bởi

Bồ-tát tu pháp quán như huyễn này, nên phát Đại bi tâm⁽¹⁾ thương xót cứu khổ tất cả chúng sanh mà vẫn nhẹ nhàng thư thối (Đại bi khinh an) không tham trước luyến ái nơi chúng sanh.

Tất cả Bồ-tát, đều y theo pháp quán như huyễn này mà tu hành, lần lần tăng tiến. Ban đầu quán cảnh là huyễn, nhưng người quán chưa phải huyễn; sau người quán cũng là huyễn và cuối cùng hoàn toàn xa lìa các tướng huyễn (lúc bấy giờ cái phi huyễn hiện ra). Thế là Bồ-tát đã hoàn thành được pháp quán mâu nhiệm này. Bồ-tát lần lượt tiến tu, cũng như đất làm cho mầm mộng lần hồi được sanh trưởng.

Phương tiện tu như thế, gọi là “Tam-ma-bát-đề”.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy : “Khi Bồ-tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh rồi, y theo tâm Viên Giác này mà quán các pháp, nào căn, trần và thức đều là huyễn hóa. Lúc bấy giờ Bồ-tát khởi cái trí như huyễn để diệt các vô minh phiền não như huyễn, tu các hạnh như huyễn, để hóa độ chúng sanh như huyễn. Đến khi các huyễn cảnh đã không, huyễn trí cũng hết, nào tâm, cảnh, năng, sở đều tiêu, hoàn toàn xa lìa các huyễn tướng rồi, thì tánh Viên Giác phi huyễn hiện ra. Như tiếng ồn của học trò hết, tiếng gõ bảng của thầy giáo thôi, lúc bấy giờ cảnh yên tịnh hiện ra.

Thí như người ngủ, chiêm bao thấy giặc vây, đem binh diệt trừ v.v... Khi giặc trong chiêm bao tan (cảnh huyễn hết) binh lính hết (người quán huyễn không) và tâm chiêm bao cũng không còn (huyễn trí hết) thì tâm giác ngộ tự nhiên hiển vậy (Viên Giác hiện).

Bồ-tát y theo tánh Viên Giác tu pháp quán như huyễn này, từ chỗ cạn đến chỗ sâu, ly được một phần huyễn tức là chúng được một phần giác. Cũng như cái mầm chổi, y nơi đất mà lần hồi nảy nở.

Kinh này Phật dạy tu pháp quán như huyễn, giống như Kinh Kim Cang Phật dạy :

**Nhứt thể hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ, diệc như điển
Ứng tác như thị quán**

Nghĩa là

*Nếu quán như thế này
Cái gì có làm ra
Đều như mộng, huyễn, bọt
Như bóng, sương và chớp.*

Lưu ý: Nhờ pháp “Chữ” mới dừng đứng các vọng niệm dương khởi và sẽ khởi bên trong. Khi vọng niệm không còn khởi, thì “chơn tánh” tự hiện bày.

Nhờ pháp “Quán” mới rõ các cảnh hiện tiền như huyễn, để đối trị tâm tham luyến thân, cảnh và xa lìa ngã chấp, pháp chấp. Khi ngã pháp hết thì Viên Giác hiện ra.

(1) *Bồ-tát phát tâm Đại bi* : Bồ-tát nhận thấy tất cả chúng sanh cùng với mình đồng một bản thể chơn như bình đẳng không hay không khác. Vì thế mà Bồ-tát phát tâm thương xót tất cả chúng sanh, nên gọi là “Đại bi tâm”.

Bồ-tát rộng độ chúng sanh, mà không thấy chấp có mình năng độ và người được độ. Bởi không chấp tướng “ngã, nhơn” như thế, nên Bồ-tát làm không biết bao nhiêu việc lành, độ vô số chúng sanh mà tâm vẫn nhẹ nhàng thư thái (khinh an).



6.- TU PHÁP “THIỆN-NA” (TỨC LÀ CHỈ, QUÁN ĐỒNG THỜI TU, HAY GỌI LÀ ĐỊNH HUỆ SONG TU)

– Nay Thiện nam ! Nếu các Bồ-tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh tâm rồi, thì y như tâm Viên Giác này mà tu : Không chấp thủ pháp “quán như huyễn”, và pháp “chỉ tịch tịnh”. Bồ-tát rõ biết thân tâm này đều là vật ngăn ngại, còn tánh Viên Giác (vô tri giác minh) thì không bị các vật làm chướng ngại, lại còn siêu vượt ra ngoài những cảnh chướng ngại (sinh tử) và không chướng ngại (Niết-bàn); nó vẫn thọ dụng thế giới và thân tâm ở trong cõi trần này, mà không bị cảnh trần ràng buộc, mặc dù phiền não hay Niết-bàn cũng không làm lưu ngại nó được. Thí như tiếng “boong” của chuông, tuy ở nơi chuông mà vẫn thoát ra ngoài chuông.

Bồ-tát lúc bấy giờ, ở nơi nội tâm được vắng lặng. Rất nhẹ nhàng thư thái, nào ngã, nhờn, chúng sanh, thọ mạng, bốn tướng đều chẳng còn và được tùy thuận cảnh giới Viên Giác tịch tịnh mâu nhiệm. Bồ-tát tu pháp phương tiện này, gọi là tu “Thiền-na”.

LƯỢC GIẢI

Thiền-na Hán dịch là “Tịnh lự”. Chữ “Tịnh” tức là “Chỉ” (Định). Chữ “Lự” tức là “Quán” (Huệ).

- Pháp “Xa-ma-tha” thì tu về “Chỉ” là “Định”.
- Pháp “Tam-ma-bát-đề” tu về “Quán” là Huệ.

– Pháp “Thiền-na” này Chỉ và Quán đều tu, khiến cho Định và Huệ được quân bình.

Đại ý đoạn này nói : Bồ-tát khi ngộ được tâm Viên Giác thanh tịnh rồi, y theo tâm này mà tu, không dùng pháp “Chỉ” và “Quán”. Bồ-tát rõ biết thân tâm này đều là vật chướng ngại, mà tánh Viên Giác không chướng ngại. Mặc dù thọ dụng thân này, tâm này và thế giới trần cảnh này, mà tánh Viên Giác vẫn hoàn toàn siêu vượt ra ngoài các cảnh chướng ngại và không chướng ngại, cho đến phiền não hay Niết-bàn cũng không lưu ngại nó được. Cũng như tiếng “boong” của chuông, vượt ra ngoài chuông.

Khi đó Bồ-tát diệt hết bốn tướng (ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng), nhập vào cảnh giới Viên Giác. Bồ-tát tu phương tiện này gọi là tu “Thiền-na”.



7.- TU PHÁP PHƯƠNG TIỆN NÀY LỢI ÍCH RẤT LỚN

– Nay Thiện nam ! Ba pháp môn này, đều là phương tiện để nhập Viên Giác tánh. Mười phương các Đức Phật đều như phương tiện này mà được thành Phật. Mười phương các vị Bồ-tát, tu các phương tiện hoặc đồng hay khác, nhưng cũng đều y ba pháp môn này mà được chứng ngộ hay thành Viên Giác.

– Nay Thiện nam ! Giả sử có người tu theo Đạo Phật, hóa độ được muôn ức vị A-la-hán và Bích Chi Phật, nhưng lợi ích không bằng có người chỉ trong giây phút tùy thuận và tu tập pháp môn Viên Giác vô ngại này.

LƯỢC GIẢI

Ba pháp môn “Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu” này là cái

phương tiện để nhập Viên Giác tánh. Tất cả chư Phật và Bồ-tát cũng đều y theo ba pháp môn này mà được thành đạo chứng quả.

Những người giáo hóa ngàn muôn ức Thịnh-văn và Duyên-giác tuy nhiều, nhưng thuộc về Tiểu thừa quả, nên sự lợi ích không bằng người trong giây phút, tùy thuận tánh Viên Giác. Vì tùy thuận tánh Viên Giác tức là vào cảnh giới Phật, nên lợi ích lớn hơn.



8.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI NGHĨA TRÊN

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng :

Oai Đức ! Ông nên biết :
Viên Giác tánh không hai,
Phương tiện tu có nhiều.
Như Lai tóm chỉ bày
Không ngoài ba pháp này:
Tu pháp “Chỉ” vắng lặng
Như bóng chiếu trong gương.
Tu pháp “Quán” như huyễn,
Như mộng (mầm, chồi) lần lần lớn.
Chỉ, Quán đồng thời tu,
Như tiếng “boong” của chuông.
Ba pháp môn mẫu nhiệm,
Đều tùy thuận Viên Giác.
Mười phương các Đức Phật,
Và các Đại Bồ-tát,

**Nhơn đây được thành đạo.
Ba pháp, chứng hoàn toàn,
Là rốt ráo Niết-bàn.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này Phật nói : Tánh Viên Giác không hai, nhưng các phương tiện tu hành có vô số. Song không ngoài ba pháp môn là : Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu. Các Đức Phật và các vị Bồ-tát cũng đều y ba pháp môn này mà được thành đạo. Chứng ba pháp này được hoàn toàn thì rốt ráo quả Niết-bàn.

Ba pháp môn này cũng đều gọi là ba pháp “Chỉ” hay ba pháp “Quán”.

1.- **Xa-ma-tha** là “thể chơn chỉ”, tức là “không quán”, y theo chơn đế mà tu.

2.- **Tam-ma-bát-đề** là “phương tiện tùy duyên chỉ” tức là “giả quán”, y theo tục đế mà tu.

3.- **Thiền-na** là “nhị biên phân biệt chỉ”, tức là “trung quán”, y theo trung đế mà tu.

Nếu phân tách mà nói, thì ba pháp Chỉ gọi là “Xa-ma-tha” còn ba pháp Quán gọi là “Tam-ma-bát-đề”, Chỉ và Quán không hai gọi là “Thiền-na”.



BÀI THỨ TÁM

VIII.- CHƯƠNG BIỆN ÂM

- 1- Ngài Biện Âm Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen Ngài Biện Âm Bồ-tát .
- 3- . Phật dạy có 25 pháp tu (25 luân).
- 4- Tóm lại.
- 5- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

VIII.- CHƯƠNG BIỆN ÂM

1.- NGÀI BIỆN ÂM BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Biện Âm Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi lạy Phật và quỳ thẳng bạch rằng :

– Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, vừa rồi Ngài dạy ba pháp môn tu hành như thế, rất là hy hữu.

Nhưng các vị Bồ-tát, khi muốn nhập Viên Giác, đối với ba pháp môn phương tiện này, có mấy cách tu tập ?

Cúi xin Đức Thế Tôn, vì cả Đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, phương tiện mở bày, khiến cho chúng con đều ngộ được tướng chơn thật (Viên Giác).

Thưa thỉnh như vậy ba lần, rồi ngài Biện Âm kính cẩn lạy Phật và trở lui.

LƯỢC GIẢI

Vừa rồi ở chương Oai Đức Tự Tại. Phật dạy có ba pháp môn tu là “Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu”, rất rõ ràng.

Đến chương này, ngài Biện Âm Bồ-tát lại hỏi thêm ba pháp môn phương tiện trên, có mấy cách tu. Nghĩa là mỗi người chỉ tu một pháp hay cả ba pháp ? Ba pháp này tu đồng thời hay có trước sau? Phải theo thứ lớp tu hay vượt qua thứ lớp ?



2.- PHẬT KHEN NGÀI BIỆN ÂM BỒ-TÁT

Khi đó Đức Thế Tôn khen ngài Biện Âm Bồ-tát và dạy rằng :

- Nay Thiện nam, quý lắm ! Ông đã vì đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai có bao nhiêu cách tu tập. Ông nên chăm chú nghe, Như Lai sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi đó ngài Biện Âm Bồ-tát, cùng với đại chúng đồng yên lặng và hoan hỷ nghe lời Phật dạy bảo.

*

3.- PHẬT DẠY 25 PHÁP TU

- Nay Thiện nam ! Tánh Viên Giác thanh tịnh của tất cả Như Lai, vốn không có pháp bị tu và người tu tập. Song vì các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, chưa nhập được Viên Giác, còn phải phương tiện dùng huyễn pháp để tu tập; vì thế nên chia ra có 25 cách tu như sau :

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Xứng về tánh “Viên Giác thanh tịnh” thì không có người tu và pháp để tu. Song vì chúng sanh chưa giác ngộ, còn phải dùng phương tiện tu tập, vì thế nên Phật chia ra có 25 pháp môn tu.

Tuy chia ra 25 pháp môn tu, nhưng vẫn y theo ba pháp là : “Chỉ, Quán và Chỉ Quán, đồng thời tu” mà Phật đã dạy ở chương trước. Có khi tu chung hai pháp, ba pháp, mà có lúc lại riêng từng pháp một, hoặc tu trước, hoặc tu sau, tùy theo trình độ của chúng

sanh xây qua trở lại thành 25 pháp; song tu pháp nào cũng đều chứng nhập được Viên Giác.



1- RIÊNG TU MỘT PHÁP “XA-MA-THA” (TU ĐỊNH)

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát giữ tâm rất vắng lặng, nhờ sức vắng lặng này mà đoạn các phiền não, được vĩnh viễn thành tựu rốt ráo tánh Viên Giác, thì vị Bồ-tát ấy lúc bấy giờ chẳng rời chỗ ngồi mà vẫn nhập được Niết-bàn. Bồ-tát tu như thế, gọi là chỉ tu một pháp “Xa-ma-tha” (tu chỉ).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát riêng tu một pháp “Chỉ”. Bồ-tát giữ gìn tâm trạng rất tịch tịnh, nên phiền não không sanh, đó là tu pháp “Chỉ”. Nhờ thế mà Bồ-tát được rốt ráo thành tựu tánh “Viên Giác”, đặng quả Niết-bàn của Phật.



2- RIÊNG TU MỘT PHÁP “TAM-MA-BÁT-ĐỀ” (TU HUỆ)

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát chỉ tu pháp quán “như huyễn”, và nhờ sức Phật gia hộ, nên Bồ-tát ấy biến hóa ra được thế giới, thì mặc dù Bồ-tát làm các diệu dụng độ sanh (tu quán), đầy đủ công hạnh mầu nhiệm của Bồ-tát; nhưng vẫn không mất niệm tịch tịnh (Định) và huệ yên lặng (Huệ) của Đà-la-ni (Viên Giác). Bồ-tát tu như thế, gọi là riêng tu một pháp “Tam-ma-bát-đề”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát riêng tu một pháp “Quán”. Bồ-tát khi tu pháp quán như huyễn, và nhờ thần lực của Phật, nên biến hiện thế giới uế độ thành Tịnh độ, biến địa ngục trở thành Thiên cung, vì các pháp đều như huyễn như hóa. Tu như thế là tu “Quán”. Bồ-tát mặc dù làm đủ công hạnh lợi tha, mà không rời bản thể thường tịch (Định) và thường chiếu (Huệ) của tánh Viên Giác.

Chữ “Đà-la-ni” ở chương này, đồng với chữ “Đà-la-ni” trong chương Văn Thù, tức là biệt danh của tánh Viên Giác. Như trong chương Văn thù chép : “Có pháp Đại Đà-la-ni gọi là Viên Giác”.



3- RIÊNG TU MỘT PHÁP “THIỆN-NA” (ĐỊNH, HUỆ ĐỒNG THỜI TU)

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát chỉ diệt các huyễn, không chấp thủ tác dụng, riêng đoạn các phiền não, khi phiền não đoạn hết rồi, thì chứng được thật tướng, Bồ-tát tu như thế, gọi là riêng tu pháp “Thiện-na” (Chỉ, Quán song tu).**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát đồng thời tu cả “Chỉ” và “Quán”. Bồ-tát “chỉ diệt các huyễn”, tức là không dùng “Tam-ma-bát-đề” như đã nói ở trước (không tu quán như huyễn); “không chấp thủ tác dụng” tức là không tu “Xa-ma-tha” như đã nói ở trước (không tu Chỉ); “riêng đoạn phiền não” tức là tu “Thiện-na” (Chỉ, Quán song tu). Khi đoạn hết phiền não thì Bồ-tát chứng đặng thật tướng tức là tu “Thiện-na” mà nhập Viên Giác tánh.



4- TRƯỚC TU “ĐỊNH” SAU TU “HUỆ”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát trước giữ gìn nơi rất tịnh (Chỉ) sau dùng tịnh tuệ (huệ yên**

tịnh) chiếu soi các pháp như huyễn như hóa, lúc bấy giờ khởi ra hạnh Bồ-tát. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa-ma-tha” (Chỉ) sau tu “Tam-ma-bát-đề” (Quán).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Chỉ” sau tu “Quán”. – Bồ-tát trước giữ tâm rất tịnh là tu “Chỉ”, rồi dùng trí huệ yên tịnh mà chiếu soi các pháp như huyễn là tu “Quán”. Lúc bấy giờ Bồ-tát trên thì cầu Đạo Phật, dưới hóa độ chúng sanh, đó là thật hành Bồ-tát hạnh.

*

5- TRƯỚC TU “ĐỊNH” SAU “ĐỊNH, HUỆ ĐỒNG THỜI TU

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát, dùng trí huệ yên tịnh, chứng đặng thể tánh rất tịnh, rồi đoạn các phiền não, vĩnh viễn ra khỏi sanh tử. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa-ma-tha” (Chỉ) sau tu “Thiền-na” (Chỉ, Quán song tu).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Chỉ” sau “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng trí huệ yên tịnh, chứng đặng tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, đoạn hết các phiền não, vĩnh viễn ra khỏi sanh tử luân hồi là “Chỉ, Quán song tu”.

*

6- TRƯỚC TU “ĐỊNH”, THỨ TU “HUỆ”, SAU “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát, dùng trí huệ thanh tịnh, lấy sức huyễn hóa biến hiện ra các hình thức, để hóa độ chúng sanh; sau đoạn các phiền não, rồi nhập vào cảnh giới tịch diệt.

Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa-ma-tha” (Chỉ) thứ tu “Tam-ma-bát-đề” (Quán) sau tu “Thiền-na” (Chỉ, Quán song tu).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Chỉ”, thứ tu “Quán”, sau “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng trí huệ thanh tịnh là tu “Chỉ”, lấy sức như huyền mà biến hiện ra nhiều hình thức để độ chúng sanh là tu “Quán”. Sau Bồ-tát đoạn phiền não rồi vào tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”.

✽

7. TRƯỚC TU “ĐỊNH” THỨ “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”, SAU TU “HUỆ”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức rất tịnh, đoạn các phiền não rồi, sau khởi cái hạnh thanh tịnh mẫu nhiệm của Bồ-tát, để độ các chúng sanh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa-tha-ma”, thứ tu “Thiền-na”, sau tu “Tam-ma-bát-đề”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Chỉ”, thứ “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Quán”. – Bồ-tát trước tu “Chỉ” được rất tịnh, rồi tiến hành tu “Thiền-na” (Chỉ, Quán song tu) để đoạn phiền não. Khi phiền não hết rồi thì Bồ-tát vào trần lao độ sanh, đặng diệu hạnh tự tại vô ngại, không còn lo sợ nhiễm trước.

✽

8- TRƯỚC TU “ĐỊNH”, SAU ĐỒNG THỜI TU “HUỆ” VÀ “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức rất tịnh của tâm, đoạn trừ phiền não và dựng**

lập thế giới, hóa độ các chúng sanh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa-ma-tha” sau đồng thời tu “Tam-ma-bát-đề” và “Thiền-na”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Chỉ”, sau đồng thời tu “Quán” và “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng sức rất tịnh là tu “Chỉ”, đoạn trừ các phiền não là tu “Thiền-na”, dựng lập thế giới và hóa độ chúng sanh là tu “Quán”.

*

9- TRƯỚC ĐỒNG THỜI TU “ĐỊNH” VÀ “HUỆ” SAU “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức rất tịnh, giúp cho việc biến hóa, sau đoạn các phiền não. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Xa-ma-tha” và “Tam-ma-bát-đề” sau tu “Thiền-na”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước đồng thời tu “Chỉ” và “Quán”, sau tu “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng sức rất tịnh là tu “Chỉ”, giúp việc biến hóa là tu “Quán”, sau đoạn phiền não là “Chỉ, Quán song tu”.

*

10- TRƯỚC ĐỒNG THỜI TU “ĐỊNH” VÀ “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”, SAU TU “HUỆ”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức rất tịnh, giúp cho tịch diệt; sau rồi khởi tác dụng, biến hóa thế giới. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Xa-ma-tha” và “Thiền-na”, sau tu “Tam-ma-bát-đề”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước đồng thời tu “Chĩ” và “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Quán”. – Bồ-tát dùng sức rất tịnh, để đoạn phiền não, mà vẫn giữ tịch diệt, tức là đồng thời tu “Chĩ” và tu “Thiền-na”. Sau dùng diệu hạnh của Bồ-tát ra thế giới hóa độ chúng sanh, tức là tu “Quán”. Từ pháp tu thứ tư đến pháp tu thứ mười này, cộng là bảy pháp, đều là trước tu “Chĩ”.

*

11- TRƯỚC TU “HUỆ” SAU TU “ĐỊNH”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa tùy thuận theo các chúng sanh để hóa độ, mà vẫn giữ tánh rất tịnh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam-ma-bát-đê”, sau tu “Xa-ma-tha”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Quán”, sau tu “Chĩ”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa, tùy thuận theo các chúng sanh để hóa độ là tu “Quán”, mà vẫn giữ tánh rất tịnh là tu “Chĩ”.

*

12- TRƯỚC TU “HUỆ” SAU “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa, hóa hiện ra các cảnh giới mà vẫn giữ tịch diệt (vắng lặng). Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam-ma-bát-đê” sau tu “Thiền-na”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát tu trước “Quán” sau “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa là tu “Quán”, biến ra các cảnh giới, để hóa độ chúng sanh mà vẫn giữ tịch diệt, thế là “Chỉ, Quán song tu”.

13- TRƯỚC TU “HUỆ” THỨ TU “ĐỊNH”,
SAU “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”

– Này Thiện nam! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa, làm các Phật sự mà vẫn ở yên nơi tịch tịnh, đoạn các phiền não. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam-ma-bát-đê”, thứ tu “Xa-ma-tha” sau tu “Thiền-na”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Quán” thứ tu “Chĩ”, sau “Chĩ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các Phật sự là tu “Quán”, yên ở chỗ vắng lặng là tu “Chĩ”, đoạn phiền não là “Chĩ, Quán song tu”.

*

14- TRƯỚC TU “HUỆ” THỨ (ĐỊNH HUỆ
ĐỒNG THỜI TU”, SAU TU “ĐỊNH”

– Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa, làm các việc không ngại, đoạn các phiền não và an trụ nơi rất tịnh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam-ma-bát-đê” thứ tu “Thiền-na” sau tu “Xa-ma-tha”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Quán”, thứ “Chĩ, Quán song tu”, sau tu “Chĩ”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các việc vô ngại là tu “Quán”; đoạn các phiền não là “Chĩ, Quán song tu”, an trụ nơi rất tịnh là tu “Chĩ”.

*

15- TRƯỚC TU “HUỆ” SAU ĐỒNG THỜI TU “ĐỊNH” VÀ “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện và tùy thuận hai pháp : rất tịnh (Chỉ) và tịch diệt (Thiền-na). Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam-ma-bát-đề” sau đồng thời tu “Xa-ma-tha” và “Thiền-na”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước tu “Quán”, sau đồng thời tu “Chỉ” và “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện là tu “Quán”, tùy thuận tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, và tùy thuận tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”.

✽

16- TRƯỚC ĐỒNG THỜI TU “HUỆ” VÀ “ĐỊNH” SAU TU “THIÊN-NA” (ĐỊNH, HUỆ SONG TU)

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa, khởi ra các công dụng, giúp cho tánh rất tịnh, sau đoạn các phiền não. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Tam-ma-bát-đề” và “Xa-ma-tha”, sau tu “Thiền-na”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước đồng thời tu “Quán” và “Chỉ”, sau “Chỉ, Quán song tu”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa, khởi ra các công dụng là tu “Quán”, giúp cho tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, sau đoạn các phiền não là “Chỉ, Quán song tu”.

✽

17.- TRƯỚC ĐỒNG THỜI TU “HUỆ” VÀ “ĐỊNH HUỆ SONG TU”, SAU TU “ĐỊNH”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức biến hóa, giúp với tịch diệt, sau an trụ nơi tánh định thanh tịnh, không do tạo tác. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Tam-ma-bát-đê” và “Thiền-na”, sau tu “Xa-ma-tha”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước đồng thời tu “Quán” và “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Chỉ”. – Bồ-tát dùng sức biến hóa là tu “Quán”, giúp với tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”, sau an trụ nơi tánh định thanh tịnh sẵn có, không do tạo tác, là tu “Chỉ”.

Câu “Tánh Định thanh tịnh không do tạo tác” là chỉ cho “Tự tánh chơn định” sẵn có và thanh tịnh, không do tạo tác mà thành, cũng không phải dụng công tu tập mà được, xưa nay nó vẫn thanh tịnh.



18.- TRƯỚC “ĐỊNH, HUỆ SONG TU” SAU TU “ĐỊNH”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức tịch diệt (vắng lặng) khởi hạnh rất tịnh, rồi an trụ nơi thanh tịnh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền-na, sau tu “Xa-ma-tha”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước “Chỉ, Quán song tu” sau tu “Chỉ”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt, khởi tánh rất tịnh là “Chỉ, Quán song tu”, rồi an trụ nơi thanh tịnh là tu “Chỉ”.



19- TRƯỚC “ĐỊNH, HUỆ SONG TU” SAU TU “HUỆ”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức tịch diệt, khởi ra tác dụng, tuy đối các cảnh, mà vẫn tùy thuận nơi tịch tịnh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền-na” sau tu “Tam-ma-bát-đề”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Quán”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt khởi ra tác dụng độ sanh là “Chỉ, Quán song tu”. Mặc dù Bồ-tát làm các hạnh lợi sanh mà vẫn tùy thuận nơi tịch tịnh là tu “Quán”.



20- TRƯỚC “ĐỊNH, HUỆ SONG TU” THỨ TU “ĐỊNH” SAU TU “HUỆ”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức tịch diệt, quán tự tánh các chúng sanh, an trụ nơi Định, mà vẫn biến hóa các pháp để độ sanh. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền-na”, thứ tu “Xa-ma-tha” sau tu “Tam-ma-bát-đề”.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước “Chỉ, Quán song tu”, thứ tu “Chỉ”, sau tu “Quán”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt, quán tự tánh các chúng sanh để hóa độ, là “Chỉ, Quán song tu”; an trụ nơi Định là tu “Chỉ”, biến hóa các pháp để độ sanh là tu “Quán”.



21- TRƯỚC “ĐỊNH, HUỆ SONG TU”, THỨ TU “HUỆ”, SAU TU “ĐỊNH”

– **Này Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức**

tịch diệt của tự tánh vô tác, để khởi ra tác dụng độ sanh, rồi y nơi cảnh giới thanh tịnh mà trở về nơi Định. Bồ-tát tu như thế, thì gọi là trước tu “Thiên-na”, thứ tu “Tam-ma-bát-đê”, sau tu “Xa-ma-tha”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước “Chỉ, Quán song tu”, thứ tu “Quán”, sau tu “Chỉ”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt của tự tánh vô tác, để khởi ra tác dụng độ sanh, là “Chỉ, Quán song tu”. Bồ-tát y nơi cảnh giới thanh tịnh là tu “Quán”, sau trở về nơi Định là tu “Chỉ”.

Chữ “Tự tánh vô tác”, nghĩa là : Tự tánh sẵn có, không do tạo tác mà thành.



22- TRƯỚC TU “THIÊN-NA” (ĐỊNH, HUỆ SONG TU) SAU ĐỒNG THỜI TU “ĐỊNH” VÀ “HUỆ”

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức tịch diệt, mỗi mỗi thanh tịnh, an trụ ở nơi Định, mà khởi ra các món biến hóa. Bồ-tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiên-na”, đồng thời tu “Xa-ma-tha” và “Tam-ma-bát-đê”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước “Chỉ, Quán song tu”, sau đồng thời tu “Chỉ” và “Quán”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt, mỗi mỗi thanh tịnh là “Chỉ, Quán song tu”, an trụ nơi định là tu “Chỉ” khởi ra các món biến hóa là tu “Quán”.



23- TRƯỚC ĐỒNG THỜI TU “THIÊN-NA” VÀ TU “ĐỊNH” SAU TU “HUỆ”

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức

tịch diệt, giúp cho tánh rất tịnh, sau khởi ra việc biến hóa. Bồ-tát tu như thế, gọi là đồng thời tu “Thiền-na” và “Xa-ma-tha”, sau tu “Tam-ma-bát-đê”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước đồng thời “Chỉ, Quán song tu”, và tu “Chỉ”, sau tu “Quán”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”, giúp cho tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, khởi ra các việc biến hóa là tu “Quán”.

*

24.- TRƯỚC ĐỒNG THỜI TU “THIÊN-NA” VÀ “HUỆ”, SAU TU “ĐỊNH”

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng sức tịch diệt, giúp việc biến hóa, sau khởi tánh rất tịnh, ở cảnh giới trí huệ trong sáng. Bồ-tát tu như thế, gọi là đồng thời tu “Thiền-na” và “Tam-ma-bát-đê” sau tu “Xa-ma-tha”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát trước đồng thời “Chỉ, Quán song tu”, và tu “Quán”, sau tu “Chỉ”. – Bồ-tát dùng sức tịch diệt, là “Chỉ, Quán song tu”, giúp việc biến hóa là tu “Quán”; sau khởi tánh rất tịnh v.v... là tu “Chỉ”.

*

25.- BỒ-TÁT VIÊN TU BA PHÁP

– Nay Thiện nam ! Nếu có Bồ-tát dùng huệ Viên Giác, viên hiệp các pháp, nào tánh, tướng của các pháp đều không rời tánh Viên Giác, Bồ-

**tát tu như thế, gọi là viên tu ba pháp, tùy thuận
tánh Viên Giác thanh tịnh.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Bồ-tát viên tu ba pháp.

Bồ-tát dùng Viên Giác Huệ, viên hiệp tất cả các pháp. Nào Định, Huệ và Định Huệ song tu, nào tánh, tướng của các pháp, đều không rời tánh Viên Giác.

4.- TÓM LẠI

– Nay Thiện nam ! Đây là 25 pháp tu của Bồ-tát. Vậy các Bồ-tát phải y theo đây mà tu hành.

Nếu các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, muốn y theo 25 pháp môn này mà tu hành, thì phải giữ giới thanh tịnh, tâm suy nghĩ vắng lặng và phải trải qua 21 ngày thành tâm sám hối, rồi viết 25 pháp môn này vào mỗi miếng giấy, niêm lại kỹ, đem để trên bàn Phật và chỉ tâm cầu khẩn, rồi tùy tay hành giả rút một miếng giấy, khi mở ra xem thì hành giả sẽ biết trình độ của mình tu pháp Đốn hay Tiệm. Song nếu hành giả một niệm nghi ngờ, thì chẳng thành tựu.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật kết thúc lại và dạy rằng : Đây là 25 pháp tu của Bồ-tát. Nếu có người muốn tu theo 25 pháp này, thì điều cần yếu là phải giữ giới cho thân tâm được thanh tịnh và chí thành cầu sám hối 21 ngày. Rồi hành giả viết tên 25 pháp tu này vào 25 miếng giấy, xếp gói riêng từ miếng, để chung lại trên bàn. Hành

giả phải chí thành cầu nguyện, rồi tùy ý rút ra một thăm, sau khi gỡ ra xem, hành giả sẽ tự biết căn cơ của mình Đốn hay Tiệm và phải y theo đó mà tu hành. Nhưng nếu hành giả có một niệm nghi ngờ thì chẳng thành tựu.

Tóm lại, 25 pháp tu này không ngoài Định, Huệ và Định Huệ song tu; chẳng qua tùy theo trình độ của hành giả có sâu cạn, cao thấp không đồng, nên có khi phải tu Định trước rồi Quán sau; có khi phải tu Quán trước rồi Định sau; lắm lúc phải tu đồng thời v.v... Vì tùy theo trình độ của hành giả mà thay đổi trước sau, xoay qua trở lại nên thành ra 25 pháp. Vậy hành giả nên tùy theo trình độ của mình mà tu tập.

✽

5.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tóm lại nghĩa này, nên nói bài kệ rằng :

Biện Âm ! Ông nên biết :
Các trí huệ thanh tịnh
Của tất cả Bồ-tát
Đều do Thiên định sanh.
Thiên định là “Chỉ, Quán”
Và “Chỉ, Quán song tu”.
Ba pháp, phân Đốn, Tiệm,
Thành ra hai mươi lăm.
Mười phương các Như Lai
Và hành giả ba đời
Đều y pháp môn này
Mà đặng thành Bồ-đề.

**Chỉ trừ người Đốn ngộ,
Và những người không tin
Mới chẳng theo pháp này.
Còn tất cả Bồ-tát
Và chúng sanh đời sau,
Phải như thế tu hành.
Nhờ Đại bi của Phật,
Các ông sẽ siêng tu,
Sẽ mau chứng Niết-bàn.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài này nói : Trí huệ thanh tịnh vô ngại của các Bồ-tát, đều do Thiên định sanh, Thiên định là Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu. Bởi theo căn cơ của hành giả có Đốn và Tiệm không đồng, nên ba pháp này lại chia ra đến 25 pháp.

Chỉ trừ những bậc Đốn ngộ và những người không tin, còn chư Phật và các vị Bồ-tát cùng chúng sanh đời sau, đều tu theo các pháp môn này mà được thành Bồ-đề.

Vậy hành giả nên y theo đây, siêng năng tu tập và nhờ lòng Đại bi của Phật gia hộ, sẽ mau chứng Niết-bàn.



BÀI THỨ CHÍN

VI.- CHƯƠNG TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG

- 1- Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát.
- 3- Phật trả lời : Do chúng sanh vọng chấp bốn tướng
- 4- Đem vô minh cầu Đạo, không thể thành Đạo được
- 5- Phật nói bốn tướng.
- 6- Vì không rời được bốn tướng nên tu chẳng thành Phật.
- 7- Thương, ghét là gốc của sanh tử, luân hồi.
- 8- Phật chỉ ngã tướng núp ẩn trong tạng thức
- 9- Không thấy người hủy nhục, không thấy mình thuyết pháp độ sanh, lúc bấy giờ ngã tướng không còn
- 10- Vì còn ngã tướng nên không nhập được Viên Giác
- 11- Phật dạy phương pháp nhập Viên Giác
- 12- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

IX.- CHƯƠNG TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG

1.- NGÀI TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát⁽¹⁾ ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi lạy Phật và quỳ thẳng chấp tay, bạch rằng:

– Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng con rộng nói “nhơn địa tu hành”⁽²⁾ của các Đức Như Lai, toàn những việc cao siêu mầu nhiệm, không thể suy nghĩ và luận bàn được, khiến cho đại chúng đặng lợi ích chưa từng có.

Chúng con là hàng Bồ-tát rất vui mừng, vì tất cả cảnh giới tu hành cần khổ của Đức Điều Ngự⁽³⁾ trải qua vô số kiếp, nhiều như cát sông Hằng, mà chúng con chỉ thấy như trong một niệm.

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu như cái tâm Viên Giác này tánh nó vốn thanh tịnh, vậy như cái gì mà nhiễm ô và vì sao khiến cho chúng sanh mê muội, chẳng nhập được tánh Viên Giác ?

Cúi xin Đức Như Lai, rộng vì chúng con khai ngộ Pháp tánh⁽⁴⁾, làm cho đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, đều được con mắt trí huệ.

Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, cúi đầu kính lạy rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này, ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát hỏi Phật: "... Tánh Viên Giác đã thanh tịnh, vậy nhưn cái gì mà nhiễm ô ? Và vì sao làm cho chúng sanh mê muội và không nhập được tánh Viên Giác...". Đoạn này giống như trong Kinh Lăng Nghiêm. Ông Phú Lâu Na hỏi Phật: Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che lấy chơn tâm mà phải chịu trầm luân ?...".

(1) Câu "*Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát*". Cổ đức dạy: Phật cao nhứt xích, ma thắng nhứt trượng", nghĩa là Phật cao 1 thước thì ma hơn 10 thước. Khi chưa tu, vì thuận theo phiền não nghiệp chướng, nên chẳng thấy phiền não nghiệp chướng làm chướng ngại. Đến khi hạ thủ công phu, đi ngược dòng phiền não, lúc bấy giờ mới thấy phiền não nghiệp chướng các bệnh hiện ra vô số. Các phiền não nghiệp chướng này do bốn tướng ngã, nhưn, chúng sanh và thọ giả mà sanh ra. Vì thế trong chương này, ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát đứng lên thưa hỏi, cầu Phật chỉ dạy phương pháp dẹp trừ các nghiệp chướng về tâm bệnh. Đến chương dưới Phật nói rõ về bệnh tà sư.

(2) *Nhơn địa tu hành* tức là ba pháp môn Phật dạy ở chương trên (Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề và Thiền-na). Nhưn nghe thấy Phật dạy pháp môn tu, cũng như thấy tất cả công dụng tu hành của các Đức Phật trải qua bao nhiêu kiếp lao khổ, như trong một niệm, cho nên nói là "việc không thể nghĩ bàn".

(3) *Điều ngự*: Điều phục ngự trị các phiền não ma quân. Đây là một hiệu trong mười hiệu của Phật (Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, v.v...).

(4) *Pháp tánh*: Tánh các pháp. Các pháp tánh tuy ngàn sai muôn khác, nhưng đồng một bản tánh, nên gọi là "Pháp tánh", tức là biệt danh của Viên Giác.

*

2.- PHẬT KHEN NGÀI TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG BỒ-TÁT

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát mà dạy rằng :

- Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm ! Ông vì các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai, phương tiện như vậy. Các ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi ấy ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát cùng đại chúng đều hoan hỷ và yên lặng vâng nghe lời Phật chỉ dạy.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật khen ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, vì đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi những lời rất hữu ích.

*

3.- PHẬT TRẢ LỜI : DO CHÚNG SANH VỌNG CHẤP 4 TƯỚNG

- Này Thiện nam ! Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, do vọng tưởng điên đảo, chấp bốn tướng : Ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng, cho là thật thể của ta; rồi sanh ra hai cảnh : thương và ghét. Thế là ở nơi thân thể này đã hư vọng, lại chấp thêm cái hư vọng nữa.

Bởi hai lớp vọng nương nhau, sanh ra các vọng nghiệp. Vì có vọng nghiệp nên vọng thấy có sanh tử luân hồi. Những người nhầm chán sanh tử luân hồi thì lại vọng thấy có Nết-bàn.

Bởi thế nên không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh; chớ không phải tánh Viên Giác này chống cản không cho chúng sanh nhập. Và những người nhập được, cũng không phải tại tánh Viên

Giác chấp thuận cho họ nhập vậy. Thế nên kẻ khởi niệm hay người dứt niệm cũng đều là mê muội. Tại sao thế ? – Bởi vì vô minh đã khởi sẵn (bổn khởi vô minh) và làm chủ tử từ vô thủy vậy.

LƯỢC GIẢI

Đoạn thứ nhất, ngài Tịnh Cư Nghiệp Chương Bồ-tát hỏi Phật : "... Cái tâm Viên Giác này vốn đã thanh tịnh, vậy nhưn cái gì mà bị nhiễm ô? Và vì sao khiến cho chúng sanh mê muội chẳng nhập được Viên Giác ?...".

Đến đoạn này Phật trả lời, đại ý nói : Bởi tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, do vọng tưởng điên đảo, chấp bốn tướng (ngã, nhưn, chúng sanh và thọ mạng) làm thật thể của ta, là lớp hư vọng thứ nhất. Rồi khi gặp cảnh thuận với ta thời thương, cảnh nghịch với ta lại ghét, là lớp hư vọng thứ hai. Vì thế mà nhiễm ô. Đây là Phật trả lời về câu hỏi thứ nhất : Nhưn cái gì mà nhiễm ô ?

Nhưn cố chấp thật có ta, cho nên mới sanh ra thương ghét, vì thương ghét nên trở lại chấp thật có ta. Bởi hai lớp vọng này nương nhau, nên sanh ra các vọng nghiệp. Vì thế mà chúng phạm phu vọng thấy có sanh tử luân hồi trong 6 đạo. Hàng Tiểu thừa nhàm chán sanh tử luân hồi thì lại vọng thấy có Niết-bàn; rồi trảm không thú tịch tham luyến nơi cảnh Niết-bàn. Bởi thế nên không nhập được tánh Viên Giác thanh tịnh, chớ chẳng phải tánh Viên Giác không cho họ nhập vậy. Đây là Phật trả lời câu hỏi thứ hai : Vì sao khiến cho chúng sanh mê muội, chẳng nhập được Viên Giác ?

Phật dạy tiếp : những người nhập được, cũng không phải do tánh Viên Giác chấp thuận cho họ nhập. Bởi thế nên chúng phạm phu khởi niệm, hay hàng Nhị thừa dứt niệm đều là vô minh mê muội cả, chớ không dính líu gì đến tánh Viên Giác vậy.



4.- ĐEM VÔ MINH (NGÃ TƯỚNG V.V...) MÀ CẦU ĐẠO, THÌ KHÔNG THỂ THÀNH ĐẠO ĐƯỢC

- Nay Thiện nam ! Tất cả chúng sanh, sống không có con mắt trí huệ, nên không tự thấy cả thân tâm này (ngã tướng) đều là vô minh. Vì ngã tướng (thân tâm) do vô minh sanh, nên chúng sanh không đủ can đảm tự tiêu diệt ngã tướng, cũng như người không thể tự sát lấy mình được.

Bởi chấp thân tâm này là ta, nên cảnh nào thuận với ta thì sanh ra thương yêu; còn cảnh nào nghịch với ta thì lại sanh ra oán ghét. Do tâm thương ghét này, trở lại tiếp tục nuôi dưỡng vô minh. Vì thế nên chúng sanh cầu Đạo, đều không thành được Đạo.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy rằng : Tất cả thân tâm của chúng sanh đều do vô minh sanh; song vì chúng sanh không có con mắt trí huệ nên chẳng biết như thế. Bởi chúng sanh (ngã tướng) đã từ vô minh sanh, nên không đủ can đảm tiêu diệt vô minh (ngã tướng) của mình. Cũng như người không thể tự sát mình được.

Vô minh đã sanh ra ngã tướng, rồi từ ngã tướng sanh ra thương ghét, trở lại nuôi dưỡng vô minh. Cũng như sóng từ nơi nước sanh, rồi trở lại làm tăng thể lực cho nước. Bởi vô minh huân tập và tu dưỡng lẫn nhau, tiếp nối không ngừng, nên chúng sanh dầu có cần khổ tu đạo mà bốn tướng (Ngã, Nhơn, v.v...) không rời, thì quyết định chẳng thành Đạo.

Giống như trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy : "... Nếu dùng gốc rễ của vọng tâm làm tu nhơn, thì không thể nào thành được Đạo". Đem tâm đời mà làm Đạo, thì Đạo cũng trở thành đời !

Trong Kinh Viên Giác Lược Sở chép : “Dùng tâm mê muội (vô minh) mà cầu Đạo, dẫu cho siêng năng khổ hạnh tu đủ các pháp môn, cũng chỉ giúp thêm lực lượng cho vô minh mà thôi, chớ không thành được quả vị Phật.

Phải biết : Gốc từ vô minh sanh ra thương ghét, rồi do thương ghét trở lại huân tập thành vô minh. Từ chủng tử sanh hiện hành rồi hiện hành huân làm chủng tử nối nhau không dứt. Chúng sanh đem cái vô minh này mà cầu Đạo thì trọn đời không thể thành tựu.

Khinh Bảo Tích chép : Đối với thân này, sanh yêu quý, thế là không rời tướng ngã, như; dùng cái tướng ngã, nhưn này mà tu hành thì trở lại đọa ác thú.



5.- PHẬT NÓI BỐN TƯỚNG

A.- NGÃ TƯỚNG

– Này Thiện nam ! Thế nào là ngã tướng ? –
Tất cả chúng sanh tự tâm chứng nhận biết có cái ta (ngã tướng) vậy. Thí như có người thân thể điều hòa không có chút gì trái ý, tự hồ như quên mình (lúc ấy không thấy ngã tướng hiện). Đến khi điều dưỡng bị thất thường, thân thể mất thăng bằng, hoặc gặp phải những cảnh trái nghịch, như gai đâm hay lửa đốt v.v... lúc bấy giờ mới thấy cái ta (ngã tướng) hiện ra rất rõ rệt. Vì thế mà chúng biết có cái ta.

– Này Thiện nam ! Sâu thêm một tầng nữa, cái ngã tướng có phần vi tế hơn trước, là người tu hành, trong lúc thấy mình có chứng quả, có đắc đạo. Cho đến khi chứng quả Như Lai, hay đặng

Niết-bàn thanh tịnh của Phật, mà nếu còn cái tâm biết mình có chứng và có đặng, như thế cũng đều còn “ngã tướng”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật chỉ rõ cái ngã tướng (ta) có thô và tế.

1.- Trong lúc bình thường thì cái ta hiện ra không rõ rệt, đến khi nghịch cảnh, bị người đánh đập hoặc hủy nhục v.v... lúc bấy giờ cái ngã tướng hiện ra mới rõ ràng. Đây là cái ngã tướng thô.

2.- Người tu hành, một mình ở trong núi sâu rừng thẳm, không gặp được các cảnh thuận nghịch, tâm không phân biệt mình với người, lúc bấy giờ tưởng mình đã chứng được “vô ngã” rồi. Đến khi gặp cảnh buồn vui thử thách, tâm mừng giận nổi lên, lúc bấy giờ Ngã tướng hiện ra y nguyên. Cho đến lúc tự thấy mình đắc Đạo hay chứng Niết-bàn tịch tịnh của Như Lai cũng đều còn Ngã tướng, song có phần vi tế hơn trước. Bởi vì còn biết có Niết-bàn hay quả Phật sở chứng (được chứng), tất nhiên phải có cái Ta “năng chứng”. Nếu năng chứng và sở chứng chưa hết (bỉ, thử chưa trừ) tức là còn Ngã tướng.

*

B.- NHƠN TƯỚNG

– Nay Thiện nam ! Thế nào là nhơn tướng ? – Tất cả chúng sanh, tự tâm hiểu ngộ ta đây là người vậy (nhơn tướng), nghĩa là hiểu ngộ ta là người và các người cũng là người (nhơn tướng). Nói rộng ra, hiểu ngộ ngoài ta (ngã) thì tất cả đều là người vậy.

– Nay Thiện nam ! Đi sâu vào một từng nữa, cái “nhơn tướng” có phần vi tế hơn, là cái tâm này, cho đến hiểu ngộ rằng : “Còn biết mình viên

ngộ Niết-bàn”, cũng đều còn ngã tướng; nghĩa là ở nơi tâm, nếu còn một chút ngộ rằng : “Chứng lý đầy đủ”, thì đều gọi là “nhơn tướng”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật chỉ rõ cái “nhơn tướng” có thô và tế.

1.- Chúng sanh tự công nhận mình là người (nhơn) và các người cũng là người (nhơn). Nói rộng ra, ngoài mình (ta) thì tất cả kẻ khác đều là người (nhơn). Đây là cái nhơn tướng thô thiển.

2.- Đi sâu vào một từng nữa, cái nhơn tướng có phần vi tế hơn, là cái “tâm hiểu biết” này, cho đến nếu còn hiểu biết: “Mình có viên ngộ Niết-bàn”, cũng còn ngã tướng. Nghĩa là: hễ còn có một chút hiểu biết, thế là còn “nhơn tướng”, cái nhơn tướng này rất là vi tế.

Tóm lại, nếu còn một chút hiểu ngộ rằng : “Mình viên ngộ Niết-bàn”, thế là cái “hiểu ngộ” và có cái “mình viên ngộ” khác nhau. Vậy thời ngoài mình (mình viên ngộ) còn có cái “hiểu ngộ”, tức là ngoài ngã (mình viên ngộ) còn có nhơn tướng (cái hiểu ngộ) vậy.

Nói lại cho dễ hiểu : còn có ta viên ngộ Niết-bàn tức là “ngã tướng”. Cái “biết ta viên ngộ” đó là nhơn tướng.



C.- CHÚNG SANH TƯỚNG

– Nay Thiện nam ! Thế nào là Chúng sanh tướng ? – Tất cả chúng sanh ở nơi tự tâm không còn chấp mình là ngã và nhơn mà lại chấp là chúng sanh. Tỷ như có người nói như thế này : “Tôi đây là chúng sanh”. Bởi thế nên biết: Người kia nói “Tôi là chúng sanh” thì biết không phải ngã và nhơn.

- Nay Thiện nam ! Những chúng sanh rõ biết hai món tướng trước (sở chúng, sở ngộ) là thuộc về ngã và nhơn, nay không còn chấp ngã, nhơn nữa; nhưng còn cái “tâm rõ biết”, đó là chúng sanh tướng.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật nói chúng sanh tướng có hai phần thô và tế.

1.- Không còn chấp ta đây là ngã hay nhơn mà lại chấp là chúng sanh. Như thế là chấp về phần thô.

2.- Rõ biết hai tướng ngã và nhơn là phi, nên không còn chấp; thế là đã cao hơn trước một tầng, nhưng còn cái “rõ biết hai tướng ngã, nhơn là phi”. Đó cũng là cái vi tế Ngã tướng còn ẩn phục bên trong, gọi là chúng sanh tướng.

*

D.- THỌ MẠNG TƯỚNG

- Nay Thiện nam ! Thế nào là thọ mạng tướng ? - Các chúng sanh tâm chiếu soi (phân biệt) đã thanh tịnh. Nhưng còn cái trí giác ngộ tướng chúng sanh trước (giác sở liễu giả). Bởi còn cái “trí giác ngộ”, tương tục tu tập các nghiệp vô lậu, chưa có thể tự trừ được, cũng như mạng căn tương tục, không tự đoạn được, nên gọi là “thọ mạng tướng”.

- Nay Thiện nam ! Nếu còn tâm soi thấy (biết) tất cả cái giác (biết) trước (3 tướng trên) đó thì cũng còn ở trong vòng trần cấu (tâm chưa trong sạch). Bởi còn năng giác và sở giác nên chưa rời cấu trần vậy.

Cũng như nước nóng làm tiêu băng, thì toàn băng là nước, lúc bấy giờ không còn nước nóng băng tiêu và băng bị tiêu nữa. Nếu còn chút nước nóng và băng, thế là nước chưa thuần nhất. Cũng thế, nếu còn cái ta để giác ngộ cái ta trước, thì chưa rời được bốn tướng.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật nói : Người tu hành khi phá trừ được ngã, nhơn, chúng sanh ba tướng trên rồi, tâm đã được thanh tịnh, nhưng còn cái trí tiếp tục tu tập vô lậu nghiệp, để phá trừ tướng trên. Vì cái trí này còn tiếp tục trong một thời gian chưa có thể tự trừ được. Cũng như mạng sống của người, sống tiếp tục trong một thời gian, không thể tự đoạn được, sống tiếp tục trong một thời gian, không thể tự đoạn được, nên gọi là “Thọ mạng tướng”.

Phật dạy thêm, đại ý : Nếu còn tâm phân biệt để phá trừ các tướng (ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng) thế là còn vọng. Vì còn năng, sở, bỉ, thử đối đãi nhau, nên tâm chưa trong sạch. Bởi còn vọng là còn nhiễm ô, vì thế nên gọi là trần cấu. Nghĩa là : Nếu còn một chút biết rằng : “Ta trừ ngã”, thế là còn mắc trong bốn tướng, chưa thoát ly được vọng – Cũng như nước nóng làm tiêu băng, khi “băng” tiêu rồi thì “nóng” cũng không chỉ còn nước.

Ngài Tôn Mật giải : Nước dụ cho “Chơn tâm”. Băng là dụ cho “bốn tướng”. Nước nóng là dụ cho “trí huệ”. Nước vì lạnh mà đóng thành “băng”; cũng như tâm vì mê mà thành “bốn tướng”. Dùng nước nóng làm tiêu băng, cũng như dùng trí huệ làm tiêu bốn tướng. Khi băng tiêu rồi thì nóng (nước nóng) cũng không còn chỉ còn một tánh nước mà thôi. Cũng như ngã tướng hết, thì trí phá ngã cũng không chỉ còn một thể tánh chơn tâm.

Tóm lại, tướng “thọ mạng” cũng là tướng ngã rất vi tế đó thôi. Chúng sanh trước phân biệt chấp ta, tức là ngã tướng, khi phá được ngã tướng, nhưng còn cái “trí biết minh phá ngã” là nhơn

tướng. Khi phá được nhơn tướng nhưng còn cái “trí biết mình đã phá nhơn tướng” gọi là chúng sanh tướng. Khi phá được chúng sanh tướng, nhưng còn “cái trí biết mình phá được chúng sanh tướng”. Cái trí đó vẫn tiếp tục tu tập các nghiệp vô lậu, chưa có thể tự đoạn được, cũng như mạng căn tương tục sống trong một thời gian và không thể tự đoạn được, nên gọi là “Thọ mạng tướng”.

Vậy thì bốn tướng trên, cũng là một ngã tướng, chẳng qua từ thô vào tế, từ thiểu đến thâm mà thôi. Theo trong văn Kinh chữ Hán, dùng bốn chữ riêng biệt, chỉ rõ bốn tướng có thô và tế khác nhau.

- 1.- “Chứng” là ngã tướng.
- 2.- “Ngộ” là nhơn tướng.
- 3.- “Liễu” là chúng sanh tướng.
- 4.- “Giác” là thọ mạng tướng.

✱

6.- VÌ KHÔNG RỜI ĐƯỢC BỐN TƯỚNG, NÊN TU CHẴNG THÀNH PHẬT

– Này Thiện nam ! Các chúng sanh đời sau, bởi không rời được bốn tướng, nên tuy trải qua nhiều kiếp, siêng năng tu hành khổ hạnh, nhưng chỉ thành hữu vi mà thôi, chớ không thể chứng được Thánh quả.

LƯỢC GIẢI

Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật đã cặn kẽ dạy : “Nếu các ông nhận lầm căn bản của sanh tử là vọng tâm làm nhơn địa tu hành, thì không bao giờ thành quả vị Phật. Cũng như người nấu cát làm cơm, dầu trải qua bao nhiêu kiếp cũng không thành cơm được, vì gốc nó là cát”.

Giống với đoạn Kinh này, Phật dạy đại ý : Người mang tâm nhơn, ngã v.v... thuộc về hữu vi hữu lậu của chúng sanh, mà muốn cầu quả vô vi vô lậu của Phật, dầu cho cực khổ tu hành, trải

qua nhiều kiếp cũng không thể được, vì gốc của nó là ngã tướng, là chúng sanh và hữu lậu vậy.



- Tại sao thế ? Bởi nhân các ngã tướng: có chứng có ngộ, cho là thành tựu quả Niết-bàn. Chẳng khác nào người nhận giặc làm con, nó sẽ phá tan gia tài quý báu vậy.

LƯỢC GIẢI

Ngài Như Sơn giải rằng : Tại sao siêng năng tu hành trải lâu nhiều kiếp, mà không chứng được Thánh quả ? – Bởi vì lầm nhận ngã tướng làm Niết-bàn vậy. Cũng như lầm nhận giặc làm con, đã không được nhờ, trái lại còn bị nó làm hại chẳng ít.

Trên văn Kinh, chữ “Các ngã tướng” tức chỉ cho bốn tướng : ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng.

Trên văn Kinh, chữ “Có chứng có ngộ”; nghĩa là biết mình có chứng quả Phật, có ngộ Đạo, thế là chưa rời ngã tướng. Bởi hành giả đem “Ngã tướng” này, cho là đặng Thánh quả, nên nói “nhận giặc làm con vậy”.



7.- THƯƠNG (THAM) GHÉT (SÂN) LÀ GỐC CỦA SANH TỬ LUÂN HỐI

- Nay Thiện nam ! Nếu hành giả còn ưa (thương) Niết-bàn (pháp ái) tức là còn ngã tướng (ta ưa); chẳng qua cái ngã tướng ấy bị ẩn phục, rồi lầm cho đó là tướng Niết-bàn.

Còn ghét sanh tử, tức là còn ngã tướng (ta ghét). Chúng sanh riêng ghét sanh tử, ưa Niết-bàn, chớ đâu biết rằng : cái “ưa” đó chính là gốc

sanh tử, còn “ghét” là gốc triển phược (không giải thoát).

– Nay Thiện nam ! Làm sao biết “ưa” và “ghét” là gốc của sanh tử triển phược ? Bởi các chúng sanh tu đạo Bồ-đề, nếu còn đôi chút biết mình chứng được Đạo quả thanh tịnh, thế là chưa diệt trừ được tận gốc ngã tướng, nên còn sanh tử triển phược.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Còn “thương ghét” là còn ngã tướng; mà ngã tướng là gốc rễ của sanh tử luân hồi.

Chúng sanh đem tâm “thương ghét” mà cầu đạo Bồ-đề, thì không bao giờ giải thoát, vì nó là gốc của sanh tử luân hồi vậy.

Mặc dầu ghét sanh tử là việc phải, ưa cảnh Niết-bàn tịch tịnh là một điều hay; nhưng cũng còn ở trong vòng thương ghét, nên chẳng rời ngã tướng.

Phải không “thương ghét”, thì ngã tướng mới không; ngã tướng không, mới nhập được Viên Giác. Vì hiểu nghĩa này, nên Cổ nhơn có làm bài kệ rằng:

HÁN VĂN :

**Thập phương đồng tụ hội
Cá cá học vô vi
Thử thị tuyển Phật trường
Tâm không cập đệ qui**

DỊCH NGHĨA

*Mười phương đồng tụ hội
Người người học vô vi
Đây là trường thi Phật,
“Tâm không: mới được đệ.*

Bài kệ này, quan trọng nhất là hai chữ “Tâm không”. Người còn “ưa ghét” tức là còn tham sân; tham sân còn thì sanh tử luân hồi còn. Bởi thế nên trường thi làm Phật này, nếu ai tâm không còn tham sân tật đố, tâm không còn nhưn ngã bỉ thử, tâm không còn mừng giận thương ghét v.v... thì được “đậu”.



8.- PHẬT CHỈ “NGÃ TƯỚNG” ẨN NÚP TRONG TẠNG THỨC

– Này Thiện nam ! Trong khi có người đến khen ngợi kính phục, hành giả lại sanh vui mừng, muốn té độ người đó. Trái lại, nếu bị người chê bai hủy báng, thì hành giả lại sân hận. Do đó mà biết cái ngã tướng vẫn còn kiên cố núp ẩn trong tạng thức; nó thường lai vãng trong các căn của hành giả, không gián đoạn vậy. Người tu hành bởi không đoạn trừ được “ngã tướng”, cho nên không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Người đời khi gặp cảnh thuận hay nghịch, cái ngã tướng thô trọng nổi lên rất dễ biết. Đến như người tu hành cõi lộ được ngã tướng thô trọng bên ngoài, nhưng còn cái ngã tướng vi tế tiềm tàng trong tạng thức. Nó thường xuất đầu lộ diện, lai vãng ở các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi.

Bằng chứng : Trong lúc được người khen kính thì ta sanh tâm hoan hỷ, muốn độ người ấy. Trái lại, khi bị người hủy báng chê bai, thì ta lại không vui. Đó là cái ngã tướng hiển lộ, có phần tế nhị hơn trước. Bởi không trừ được tướng ngã nên không nhập được Viên Giác.

Than ôi ! Núi không cao, trời không cao, ngã tướng lại cao !

Sông chẳng sâu, biển chẳng sâu, ngã tướng mới sâu !



9.- KHÔNG THẤY NGƯỜI HỦY NHỤC, KHÔNG THẤY MÌNH THUYẾT PHÁP ĐỘ SANH, LÚC BẤY GIỜ NGÃ TƯỚNG MỚI KHÔNG CÒN

- Này Thiện nam ! Nếu hành giả muốn biết được vô ngã chưa, cứ xem trong lúc người bị hủy nhục, mà không thấy có người hủy nhục như thế là được vô ngã.

Trái lại, trong lúc thuyết pháp độ người, mà còn thấy có ta thuyết pháp, thế là ngã tướng chưa đoạn. Còn nhưn tướng chúng sanh tướng và thọ mạng tướng cũng thế.

LƯỢC GIẢI

Được người khen không mừng, bị người chê không buồn, cũng chưa đã hết ngã tướng. Trong khi được khen bị chê, mà không thấy có người khen chê, như thế mới là vô ngã. Trái lại, nếu thấy có người khen chê, cố nhiên phải có ta được khen, bị chê, nên ngã tướng hãy còn rõ ràng.

Một thí dụ thứ hai : Trong lúc thuyết pháp độ người, không thấy có ta thuyết pháp, có người nghe pháp, không thấy có ta tế độ, có người được độ; như thế mới được vô ngã. Trái lại, nếu còn thấy có ta thuyết pháp, có ta tế độ, thế là ngã tướng chưa đoạn.

Trong Kinh Kim Cang, Phật nói :

“Bồ-tát độ vô số chúng sanh mà không thấy chúng sanh có độ, nếu còn thấy có ta độ sanh, tức không phải Bồ-tát”; vì còn ngã tướng, nên không phải Bồ-tát vậy.

Kinh Kim Cang lại nói :

“Bồ-tát thuyết pháp, không thấy có mình thuyết pháp, nếu còn thấy có ta thuyết pháp, tức không phải Bồ-tát” : vì còn ngã tướng, nên không phải Bồ-tát vậy.



10.- VÌ CÒN “NGÃ TƯỚNG” NÊN KHÔNG NHẬP ĐƯỢC VIÊN GIÁC

– Nay Thiện nam ! Ngã tướng là cái trọng bịnh của hành giả. Song chúng sanh đời sau, lại nhận làm cái trọng bịnh này, cho là mình chứng được pháp Niết-bàn, thật đáng thương xót ! Bởi thế nên chúng càng tinh tấn tu hành chừng nào thì lại càng thêm cái bịnh ngã tướng chừng nấy; vì thế nên không nhập được tánh Viên Giác thanh tịnh.

– Nay Thiện nam ! Chúng sanh đời sau chấp theo sự kiến giải và hạnh của Như Lai, làm chỗ hiểu biết và hạnh của mình, song vì không biết bốn tướng còn ẩn núp bên trong, nên chẳng thành tựu được Thánh quả.

Hoặc có chúng sanh chưa đặng đạo mà nói mình đã đặng đạo, chưa chứng quả mà nói mình đã chứng quả; thấy người tinh tấn tu hành lại sanh tật đố. Bởi chúng sanh này chưa đoạn trừ được ngã ái nên không nhập được Viên Giác thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói vì có ba nguyên nhân nên hành giả không nhập được tánh Viên Giác thanh tịnh.

1.- Bối hành giả không biết bốn tướng rất tế nhị, lầm cho mình chứng được đạo quả, nên càng tu chùng nào càng tăng trưởng bệnh ngã tướng chùng nấy. Vì vậy mà chẳng nhập được Viên Giác.

2.- Hành giả chỉ bắt chước theo chỗ kiến giải và hạnh của Như Lai làm của mình, không biết bốn tướng vẫn còn tiềm tàng trong tạng thức của hành giả nên không được nhập Viên Giác. Thí như hành giả thấy trong Kinh Phật dạy bố thí v.v... rồi thật hành theo. Nhưng không biết trong khi ấy, lại bị bốn tướng thường theo dõi. Như trong khi bố thí, thấy có người thọ thí (nhơn tướng) và ta bố thí (ngã tướng). Bố thí để cầu cho ta được giàu sang, ta được mạnh giỏi v.v... vì cái ngã tướng còn nguyên hiện như thế, nên không nhập được Viên Giác.

3.- Cũng vì ngã tướng chưa đoạn, nên hành giả trong lúc tu hành thấy kết quả được đôi phần, lúc bấy giờ tánh kiêu căng nổi lên, chưa phải chứng ngộ đặc đạo, mà tự cho mình đã chứng ngộ hoặc đặc đạo. Hay thấy người hơn mình, lại sanh ra tật đố v.v... Vì thế mà không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh.



11.- PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP NHẬP VIÊN GIÁC

– Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau trông mong thành đạo, mà không cầu cho ngộ đạo; chỉ ưa học nhiều nói suông, để tăng trưởng ngã tướng.

Hành giả phải phát tâm đại đồng mãn, hàng phục các phiền não. Những pháp lành chưa chứng được phải tinh tấn tu cho chứng; các pháp

ác chưa đoạn, phải tinh tấn đoạn cho được; khi xúc cảnh không sanh tham, sân, si, mạn, ái và tật đố v.v... nào nhờn, ngã, bỉ, thử, ân ái v.v... đều vắng lặng. Như Lai ấn chứng cho người này, lần lượt sẽ thành tựu được Viên Giác.

Trên đường tu hành, hành giả phải cầu Thiện hữu tri thức chỉ dẫn, mới khỏi bị đọa tà kiến. Song, nếu hành giả đối với Thiện tri thức, lại phân biệt sang hèn, sanh tâm thương ghét, thì cũng không thể nhập được biển Viên Giác thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này, Phật chỉ đường lối tu hành để nhập Viên Giác, có 3 đoạn :

Đoạn thứ nhất, đại ý Phật dạy : Muốn được đạo thì phải tu hành mới ngộ được đạo. Nếu học nói suông mà không tu, thì chỉ tăng trưởng ngã tướng.

Đoạn này giống như trong Kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan tự trách : "... Bạch Thế Tôn, vì con ý lại con là em của Phật, có lẽ Phật thương yêu sẽ ban cho con đạo quả, không cần phải tu hành cực khổ, chỉ lo học nhiều nói suông nên không lợi ích cho mình...".

Đoạn thứ hai, đại ý Phật dạy : Phương pháp tu hành để nhập Viên Giác, là phải phát tâm đại đồng mãn, đoạn trừ các phiền não tức là bốn tướng nói trên. Siêng năng đoạn các ác pháp, tu chứng các thiện pháp. Tất cả thời, tâm đều vắng lặng, khi đối cảnh không sanh các phiền não như tham, sân, si v.v... Phật ấn chứng cho người ấy sẽ đặng nhập Viên Giác.

Đoạn này giống như trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy bốn chữ "Bất tùy phân biệt", nghĩa là : Khi đối cảnh không khởi phân biệt, thì vọng niệm chẳng sanh, vọng niệm không sanh, chơn tâm hiển lộ.

Đoạn thứ ba, đại ý Phật dạy : Trên đường tu hành, hành giả phải cầu Minh sư chỉ giáo, mới tránh được khỏi đọa tà kiến. Song khi đối với Minh sư không phân biệt giàu nghèo sang hèn v.v... (y pháp bất y nhơn) phải sanh tâm kính trọng. Nếu trái lại thì không thể nhập được Viên Giác.



12.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn, muốn tóm tắt lại nghĩa trên nên nói bài kệ rằng :

Tịnh Nghiệp ! Ông nên biết :

Tất cả các chúng sanh.

Luân hồi từ vô thi

Đều do ngã chấp vậy.

Nếu không trừ bốn tướng

Chẳng chứng quả Bồ-đề.

Nếu tâm còn thương ghét,

Hoặc tật đố si mê,

Ấy là kẻ mê muội,

Không được nhập Viên Giác.

Người muốn được giác ngộ,

Trước phải trừ tham sân,

Tâm hết chấp ngã, pháp,

Mới được nhập Viên Giác.

Thân này còn chẳng có,

Thương ghét do đâu sanh,

Hành giả phải cầu Thấy,

**Mới khỏi đọa tà kiến.
Cầu Thấy, mà phân biệt,
Thời không nhập Viên Giác.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này : chúng sanh bị sanh tử luân hồi từ hồi nào đến giờ, đều do chấp bốn tướng. Nếu bốn tướng không trừ thì không thể chứng Bồ-đề. Vì các phiền não như tham, sân, si v.v... nó làm mê muội, nên chúng sanh chẳng nhập được Viên Giác. Hành giả muốn nhập Viên Giác, trước phải đoạn tham, sân v.v... Bao giờ tâm không còn ngã chấp và pháp chấp, mới chứng đặng Viên Giác.

Song trên đường tu hành, hành giả phải cầu Minh sư chỉ giáo, mới khỏi lạc tà kiến. Khi cầu thỉnh Minh sư, nếu hành giả còn phân biệt sang hèn, sanh tâm thương ghét, thời cũng không nhập được Viên Giác.



BÀI THỨ MƯỜI

X.- CHƯƠNG PHỔ GIÁC

- 1- Ngài Phổ Giác Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen ngài Phổ Giác Bồ-tát.
- 3- Phật dạy ngài Phổ Giác Bồ-tát.
- 4- Phật nói bốn bệnh.
- 5- Phật trả lời câu hỏi thứ ba :
“Phải làm những hạnh gì ?”
- 6- Phật trả lời câu hỏi thứ tư :
“Phải trừ bỏ bệnh gì ?”
- 7- Phật trả lời câu hỏi thứ năm :
“Phải phát tâm như thế nào ?”
- 8- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

X.- CHƯƠNG PHỔ GIÁC

1.- NGÀI PHỔ GIÁC BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Phổ Giác Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, kính cẩn lạy Phật và quỳ thẳng chấp tay, bạch rằng :

– Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng sanh nói các bệnh (bốn tướng) của người tu thiền, khiến cho đại chúng gội sạch các mê lầm nơi tâm và được an ổn. Đây là một việc lợi ích lớn chưa từng có.

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng sanh đời sau, Phật lần xa, các vị Thánh hiền lại ẩn, tà sư ngoại đạo rất thịnh hành; vậy trên đường tu hành :

1. Phải cầu bậc nào để dạy bảo ?
2. Phải y phương pháp nào tu hành ?
3. Phải làm theo hạnh nào ?
4. Phải trừ những bệnh gì ?
5. Phải phát tâm như thế nào ?

Xin Phật từ bi chỉ dạy, khiến cho những chúng sanh còn mê muội, khỏi bị đọa tà kiến.

Ngài Phổ Giác Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, cúi đầu kính lạy, rồi trở về chỗ cũ.

LƯỢC GIẢI

Chữ “Phổ Giác” là giác ngộ cùng khắp. Trên đường tu hành, hành giả phải gặp nhiều chướng ngại. Những chướng ngại ấy đều do chấp bốn tướng mà sanh ra. Bởi thế nên chương thứ 9, ngài Tịnh Cư Nghiệp Chương Bồ-tát đứng lên thưa hỏi, để Phật chỉ bày bốn tướng cho hành giả biết rõ đặng trừ. Khi bốn tướng trừ hết rồi thì các nghiệp chướng được thanh tịnh.

Song trên đường tu hành, hành giả còn bị mây vô minh rất vi tế, tức lá bốn bệnh sau này che mặt trăng Viên Giác của hành giả, làm cho trăng Viên Giác chiếu soi không được phổ biến.

Vì thế nên đến chương thứ 10 này, ngài Phổ Giác Bồ-tát đứng lên thưa hỏi, cầu Phật chỉ dạy thêm, để cho hành giả hiểu biết, đặng dẹp trừ hết mây vô minh, thì Viên Giác kia mới được chiếu soi phổ biến.



TÓM LẠI ĐOẠN NÀY CÓ 3 PHẦN

1.- Trước ngài Phổ Giác tán thán Phật đã chỉ rõ những chứng bệnh của Thiền giả là bốn tướng vừa nói trên, để chúng sanh biết bệnh đặng trừ, sẽ được an ổn.

2.- Ngài Phổ Giác Bồ-tát thương xót chúng sanh đời sau cách Phật xa pháp, các vị Hiền Thánh thì ở ẩn, ngoại đạo tà sư lại thành hành làm cho người tu hành dễ lạc vào tà kiến.

3.- Ngài Phổ Giác Bồ-tát, cầu Phật chỉ dạy 5 điều như sau :

a) Hành giả phải cầu ai làm Minh sư để chỉ dẫn trên đường tu hành ?

b) Y theo phương pháp nào để tu ?

c) Phải làm những hạnh gì ?

d) Phải trừ những bệnh gì ?

đ) Làm sao để phát tâm ?

2.- PHẬT KHEN NGÀI PHỔ GIÁC BỒ-TÁT

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo ngài Phổ Giác Bồ-tát và dạy rằng :

– Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm ! Ông vì chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai đường lối tu hành như thế. Đó là ông bố thí cho chúng sanh đời sau con mắt đạo không sợ (đạo nhãn vô úy), khiến cho chúng sanh đặng thành Thánh đạo. Vậy các ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi ấy ngài Phổ Giác Bồ-tát và đại chúng đều hoan hỷ và lắng lắng vâng nghe lời Phật chỉ giáo.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật khen ngài Phổ Giác vì chúng sanh cầu Phật chỉ dạy đường lối tu hành để cho chúng sanh đi thẳng đường đến nơi Thánh quả, không còn lo sợ đọa vào tà kiến.

“Mắt đạo không sợ” – Đối với đạo, hiểu biết được rõ ràng như con mắt thấy đường đi, nên gọi là “con mắt đạo” (đạo nhãn). Trên đường tu hành không còn sợ đọa vào tà kiến, nên nói “không sợ” (vô úy).



3.- PHẬT DẠY NGÀI PHỔ GIÁC BỒ-TÁT

– Này Thiện nam ! Chúng sanh đời sau muốn phát tâm tu Đại thừa thì phải cầu Thiện tri thức, tức là những người hiểu biết chơn chánh (chánh tri kiến). Những vị ấy, tâm chẳng trụ ở nơi tướng phàm phu và cũng không dính

mắc nơi cảnh của Thịnh-văn, Duyên-giác; tuy hiện ở nơi cảnh trần lao mà tâm vẫn thường thanh tịnh. Có khi các vị ấy thị hiện đồng ăn đồng ở với người tội lỗi (đồng sự nhiếp) mà thường khen ngợi các hạnh thanh tịnh (phạm hạnh), không để cho chúng sanh làm việc tội lỗi.

Hành giả phải cầu những người như vậy, dạy bảo tu hành, để thành tựu quả Phật.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật trả lời câu hỏi thứ nhứt của ngài Phổ Giác Bồ-tát hỏi : “Phải cầu những bậc nào dạy bảo?” – Đại ý Phật trả lời : Người tu hành muốn được thành quả Phật, phải đủ hai điều kiện :

1.- Bên trong, hành giả phải phát tâm Đại thừa làm chánh nhơn.

2.- Bên ngoài, phải nhờ các Thiện hữu Tri thức, hướng dẫn đường lối tu hành làm chánh duyên. Nếu có nội nhơn mà thiếu ngoại nhơn, hay có ngoại nhơn mà thiếu nội nhơn đều không thành tựu.

Song, cầu Thiện hữu, Tri thức, phải là người “Chánh tri kiến”. – Làm sao biết là người “Chánh tri kiến ?” – Hành giả phải dùng hai phương diện thuận cảnh và nghịch cảnh sau đây quan sát, sẽ phân biệt được thể nào là “Chánh tri kiến”.

1.- *Thuận cảnh*. – Vị Thiện hữu tri thức này, tâm không trụ nơi phước báo của phạm phu ở cõi người hay cõi trời, vào cũng không trụ nơi cảnh thanh nhàn yếm thế tu ích kỷ tiêu cực của Tiểu thừa là Thanh-văn và Duyên-giác.

2.- *Nghịch cảnh*. – Vì Thiện hữu tri thức này, hiện thân trong cảnh nhiễm ô (trần lao) để hóa độ chúng sanh, mà tâm chẳng nhiễm ô, thật hành theo “đồng sự nhiếp” của Bồ-tát để hóa độ người.

Có khi vị này phải thị hiện làm việc lầm lỗi như người, nhưng không bao giờ dùng lý luận miễn cưỡng để bào chữa lỗi mình, trái lại luôn luôn khen ngợi hạnh thanh tịnh và tự chỉ trích lỗi lầm của mình.

Ngài Như Sơn giải nghĩa chữ “Thiện tri thức” như vậy : Thiện là hay, khéo, Tri là biết bệnh, Thức là biết thuốc. Nghĩa là vị này có tài biết chơn vọng, tà chánh, biết tâm bệnh của chúng sanh, biết pháp dược của Phật để đối trị.



- Nay Thiện nam ! chúng sanh đời sau, nếu gặp vị Thiện hữu tri thức như thế, phải hết lòng kính dưỡng, không tiếc thân mạng. Vị Thiện tri thức này khi giữ bốn oai nghi thanh tịnh, hành giả cung kính đã đành mà khi thị hiện lẫn lộn với chúng sanh làm các tội lỗi, để giáo hóa chúng sanh (đồng sự nhiếp), hành giả cũng chớ nên sanh tâm khinh dễ.

- Nay Thiện nam ! Đối với Thiện hữu tri thức này, mà hành giả không khởi một niệm khinh thường, thì hoa lòng (tâm hoa) sẽ được rộng mở, chiếu sáng khắp cả mười phương thế giới và thành tựu quả Phật.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy : “Y Pháp bất y nhơn”. Trong luận Trí Độ có nói : “Nếu vị Thiện tri thức kia, có thể giải thích các nghĩa lý sâu xa của Phật, dẫn dắt hành giả tu theo chánh Đạo, được lợi ích, thì hành giả phải hết lòng cung kính, như tôn kính Phật, chẳng nên nghĩ những việc lỗi lầm của Thiện hữu tri thức. Thí như cái dây xấu đựng ngọc, chớ nên vì dây xấu mà bỏ vật báu. Người có ghê lát cấm đuốc đưa hành giả qua con đường nguy hiểm trong lúc ban đêm, chớ nên chê người lát mà không dùng đuốc sáng”. Người cầu đạo cũng thế : khi tìm được Thiện hữu tri thức có thể dẫn dắt hành giả đi trên đường tu hành, thì hành giả phải trước sau một lòng tôn kính. Khi Thiện tri thức giữ

giới thanh tịnh, hành giả cung kính đã đành, mà khi ngài vì chúng sanh thật hành theo hạnh “Đồng sự nhiếp” của Bồ-tát, người cầu đạo không nên thấy thế mà sanh tâm chấp nhứt và khinh thường. Được như thế, mới chúng được Phật Đạo.



4.- PHẬT NÓI BỐN BỆNH

– Này Thiện nam ! Vị Thiện tri thức kia, đã chứng được diệu pháp và rời cả bốn bệnh sau này :

a) Bệnh Tác (làm các việc lành)

Như có người chấp như thế này : “Bản thân của tôi, vì muốn cầu Viên Giác, nên làm tất cả các hạnh”. Song tánh Viên Giác kia, không phải do làm mà được. Bởi hành giả lấy cái “làm” để cầu Viên Giác, nên gọi là “bệnh tác” (bệnh làm).

LƯỢC GIẢI

Chữ “Tác”, nghĩa là làm. Tánh Viên Giác đâu phải do “làm” mà được. Cũng như mặt trăng kia đâu phải vệt mây mới có. Bởi thế nên hành giả chấp : “Phải làm các hạnh lành để cầu nhập Viên Giác”, thì không thể được. Vì tánh Viên Giác là thanh tịnh, vô vi và vô lậu mà hành giả lại dùng pháp hữu vi để cầu cảnh giới vô vi thanh tịnh, thì không thể được, nên gọi là “bệnh làm”.

Đọc đến đoạn này, độc giả không khỏi thắc mắc : Tại sao bài trước Phật dạy: “Muốn nhập Viên Giác, phải tinh tấn bỏ các việc dữ, làm các việc lành v.v...”.

Đến đoạn này Phật lại nói : “...Tánh Viên Giác không phải do làm các hạnh lành mà được, nếu chấp do làm mà được, thì thành ra bệnh “Tác” v.v... Lời nói của Phật trước sau in tướng mâu thuẫn. Nếu không suy nghĩ kỹ, thì độc giả sẽ không hiểu.

Chúng tôi đã thường thí dụ : muốn cho lớp học được yên tịnh, thời phải làm sao trong lớp đừng có tiếng động, nếu có tiếng động thì lớp học chẳng được yên tịnh. Cũng như nếu muốn đặng tánh Viên Giác vô vi thanh tịnh, thì không thể dùng pháp hữu vi vọng động mà cầu. Nếu dùng hữu vi vọng động mà cầu thì không bao giờ đặng Viên Giác vô vi thanh tịnh.

Mặc dù như thế, song người muốn nhập Viên Giác, quyết định phải trải qua hai giai đoạn :

1.- Giai đoạn đầu tiên, người muốn nhập Viên Giác thanh tịnh, phải có học có tu, bỏ các việc dữ, làm các việc lành v.v... Cũng như các ông thầy giáo, thấy học trò làm ồn, muốn cho lớp học được yên tịnh, giai đoạn đầu tiên, phải dùng tiếng ồn để trị ồn. Nghĩa là ông thầy giáo phải dùng thước để gõ thước trước trên bảng cho lớn, thì các học trò mới hết làm ồn. Cũng như người đời nói : dùng độc trị độc, trong Đạo nói: lấy vọng để trừ vọng.

Đến khi học trò đã im lặng rồi, mà thầy giáo vẫn gõ hoài trên bảng, để mong cho lớp học được yên tịnh, thì không thể được, vì tiếng gõ là tiếng động, rất trái với tịnh, làm sao lấy cái “động”, để cầu cái “tịnh” cho được. Cũng như người dùng cái tạo tác hữu vi, để cầu Viên Giác vô vi thanh tịnh, không thể được.

2.- Vì thế, nên bước qua giai đoạn thứ hai : Thấy giáo phải thôi gõ bảng thì lớp học mới hoàn toàn yên tịnh. Cũng như hành giả, phải trừ cái bệnh “làm”, mới đặng Viên Giác thanh tịnh.

Người muốn đến bờ giải thoát, trước hết phải dùng cái bè tu học để qua sông mê. Song khi đến bờ rồi, mà cứ ôm cái bè ấy mãi, thì làm sao lên bờ được.

Tóm lại, hành giả muốn nhập Viên Giác thanh tịnh, phải trải qua hai giai đoạn :

1.- Giai đoạn đầu tiên, hành giả phải dùng cái bè tu học bỏ dữ làm lành để qua sông mê. Hay nói một cách khác là dùng tiếng gõ bảng của thầy giáo, để trừ tiếng ồn của học trò.

2.- Đến giai đoạn tối hậu, Hành giả phải bỏ cái bè hữu vi tu học, mới mong lên bờ giải thoát vô vi kia được. Hay đổi lại cách nói: ông thấy Giáo phải thôi gõ bồng, thì trong lớp mới đặng yên tịnh.

Cũng ý này, trong kinh “Tứ Thập Nhị Chương” Phật dạy : “... Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng...”, Nghĩa là: tu đến chỗ vô tu mới thật tu, chứng đến chỗ vô chứng mới thật chứng v.v...

Bởi thế nên cổ nhơn có dạy rằng : “Hữu vi tuy nguy, xả chi tắc Phật đạo nan thành” : Các việc tu hành về hữu vi tuy rằng hư nguy chẳng nhằm chi, nhưng nếu hành giả bỏ đi, thì Đạo Phật vô vi khó thành. Hay là câu : “Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, vạn sự môn trung bất xả nhứt pháp” : Đành rằng chỗ lý tánh chơn thật (Viên Giác), không thọ một mảy trần, nhưng về sự tướng tu hành thì muôn điều không bỏ một việc lành nào.



b) Bệnh Nhậm (mặc kệ, không tu hành)

– **Này Thiện nam ! Như có người chấp như thế này : “Tôi nay không cần đoạn sanh tử và cũng không cầu Niết-bàn. Người muốn cầu Viên Giác, chớ nên móng niệm diệt sanh tử hay cầu Niết-bàn, mặc tình cho sanh tử hay Niết-bàn, tùy pháp tánh mà sanh hay diệt”.**

Hành giả chấp như thế, là bị bệnh nhậm (mặc kệ); vì tánh Viên Giác kia, đâu có phải để mặc kệ (nhậm) như vậy mà nhập được.

LƯỢC GIẢI

Chữ (Nhậm) là mặc kệ. Bệnh này do hành giả chấp : “Tánh Viên Giác không phải do tu hành, làm các hạnh lành v.v... mà nhập được”. Nên hành giả để mặc kệ cho nghiệp lực xoay chuyển, chẳng sợ tội lỗi, không ham phước lành, sanh tử không chê, Niết-bàn chẳng quý; vì thế nên không nhập được Viên Giác.

c) Bệnh Chỉ (Dứt các vọng niệm)

– Này Thiện nam ! Như có người chấp như thế này : “Tôi nay muốn cầu Viên Giác, nên phải dứt hết các vọng niệm, đặng tất cả pháp bình đẳng vắng lặng”.

Chấp như thế, là bị bệnh “chỉ”; vì tánh Viên Giác kia, đâu có phải do “dừng chỉ” các vọng mà nhập được.

LƯỢC GIẢI

Chữ “Chỉ” là dứt các vọng niệm. Bởi hành giả thấy bệnh “Tác” làm cho tâm khởi động bệnh “Nhậm” (mặc kệ) làm tâm phóng túng, cả hai đều không nhập Viên Giác được, nên Hành giả xoay trở về nơi “Chỉ” (dừng đứng).

Vi vọng niệm mà thấy các pháp sai khác, không được bình đẳng, cho nên Hành giả tu “Chỉ” để dứt vọng niệm”. Đâu biết rằng : Tánh Viên Giác không có “niệm”, nếu khởi niệm thì trái, Viên Giác không có “Chỉ”, nếu hành giả lại “chỉ”, thì làm sao nhập được Viên Giác.



d) Bệnh Diệt (Diệt các phiền não)

– Này Thiện nam ! Như có người chấp như thế này : “Tôi nay muốn cầu Viên Giác, nên vĩnh viễn đoạn các phiền não, nào thân tâm nào cảnh vật, tất cả đều hư vọng không thật có, rốt ráo vắng lặng”. Dùng cái “diệt” (vắng lặng) mà cầu Viên Giác như thế là mắc bệnh diệt; vì tánh Viên Giác đâu có phải chỉ vắng lặng.

LƯỢC GIẢI

Chữ “Diệt” là dứt các phiền não, tâm và cảnh đều vắng lặng. Song tánh Viên Giác vừa tịch (vắng lặng) lại vừa chiếu (linh tri). Tịch và Chiếu không hai. Hành giả chỉ chấp một bên “tịch” thì không hợp với tánh Viên Giác.

*

– Tóm lại, người cầu đạo phải rời bốn bệnh trên, mới nhập được Viên Giác thanh tịnh. Người quán sát để trừ bốn bệnh như thế, là Chánh quán; nếu trái lại, là Tà quán.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này tóm lại bốn bệnh trên. Chữ “Tác” là làm; “Nhậm” là không làm, để mặc kệ; “Chỉ” là dừng chỉ các vọng niệm Dương sanh và sē sanh; “Diệt” là dứt các phiền não đã sanh. Bởi tánh Viên Giác bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, vô vi vô lậu, mà hành giả dùng Tác, Nhậm, Chỉ, Diệt v.v... để cầu, thì không hiệp với tánh Viên Giác.

Ngài Như Sơn nói : Đem bốn bệnh “Tác, Nhậm, Chỉ, Diệt” mà chiêm nghiệm lại tự tâm của mình, nếu còn một món nào thì cũng đều là bệnh cả; phải trừ hết bốn bệnh này, mới nhập được Viên Giác thanh tịnh.

*

5.- PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ BA : “PHẢI LÀM NHỮNG HẠNH GÌ?”

– Nay Thiện nam ! Chúng sanh đời sau muốn tu hành, suốt đời phải kính trọng cúng dường Thiện hữu tri thức. Khi Thiện hữu tri thức ở gần gũi, hành giả chớ nên khinh lờn. Khi Thiện hữu tri thức đi xa, hành giả chớ nên hờn giận.

Khi Thiện tri thức hiện ra cảnh thuận hay nghịch, tâm hành giả phải như hư không, chớ nên thay đổi. Hành giả phải rõ biết : thân tâm mình cùng thầy bạn và các chúng sanh không khác. Hành giả phải tu như thế, mới nhập được Viên Giác.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật trả lời câu hỏi thứ ba : “Phải làm những hạnh gì?”

Hạnh Bồ-tát rất nhiều, nhưng việc thờ Thầy là điều rất cần thiết. Vì đời mạng pháp nhược ma cường, nếu không có Minh sư chỉ dẫn, thì hành giả không sao khỏi bị lạc vào đường tà. Bởi thế hành giả phải suốt đời cung kính phụng sự Thầy. Dù cho Thiện trí thức làm những điều thuận ý hay nghịch lòng, hành giả cũng phải giữ một niềm tôn kính, tâm hư không chớ nên thay đổi.

Hành giả phải quán sát : Thầy bạn cùng chúng sanh và mình đều đồng một thể Viên Giác, không riêng khác. Do đó hành giả mới bỏ được tánh kiêu mạn của mình để thờ Thầy, quên bản ngã để độ sanh. Phải tu hạnh như thế, mới nhập được Viên Giác.

✽

6.- PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ TƯ : “PHẢI TRỪ BỎ BỆNH GÌ?”

– Này Thiện nam ! Chúng sanh đời sau không được thành Đạo, đều do tất cả hạt giống thương ghét, nhưn ngã, tử vô tử đến giờ. Vì thế nên chẳng được giải thoát.

Nếu người xem những kẻ oan gia cũng như cha mẹ không khác, đối với các pháp, tâm cũng không thương ghét, phân biệt tự tha, thì người ấy sẽ trừ được các bệnh.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trước ngài Phổ Giác Bồ-tát hỏi Phật : “Phải trừ những bệnh gì?” – Đoạn này Phật trả lời : “Phải trừ bệnh thương ghét”.

Đành rằng trong bài số 9, Phật đã dạy trừ thương ghét, nhưng chỉ nói về phần thô (hiện hành). Đến đoạn này Phật dạy trừ về phần vi tế của thương ghét tức là chủng tử. Nếu còn một chút gì thương ghét ngấm ngấm bên trong làm chướng ngại, thì hành giả không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh.

Bao giờ hành giả đối với kẻ oan gia, xem cũng như cha mẹ, bình đẳng không khác, xem sanh tử và Niết-bàn chẳng hai, thì hành giả mới đoạn được chủng tử của thương ghét và mới có thể nhập được Viên Giác thanh tịnh.

*

7.- PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ NĂM; “PHẢI PHÁT TÂM NHƯ THẾ NÀO?”

– **Này Thiện nam ! Chúng sanh đời sau muốn cầu Viên Giác, thì phải phát tâm như thế này : “Tôi nguyện độ tất cả chúng sanh khắp cả hư không, đều được rớt ráo vào Viên Giác; người được Viên Giác không chấp ở nơi Viên Giác; trừ hết các tướng nhơn và ngã...”. – Phải phát tâm như vậy, mới khỏi đọa vào tà kiến.**

LƯỢC GIẢI

Đoạn này, Phật trả lời câu hỏi thứ năm của ngài Phổ Giác Bồ-tát đã hỏi Phật : “Phát tâm như thế nào?”.

Phật trả lời phải phát tâm như vậy, mới khỏi đọa vào tà kiến;

1.- Phát tâm quảng đại : Nguyện độ tất cả chúng sanh (noãn, thai, thấp, hóa) trong mười phương;

2.- Phát tâm rớt ráo : Độ chúng sanh nhập Viên Giác cứu kính;

3.- Phát tâm chơn thường : Ở trong Viên Giác mà không khởi vọng chấp nơi Viên Giác;

4.- Phát tâm không điên đảo : Không khởi vọng tưởng điên đảo chấp các tướng : ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng và tướng độ sanh.

Hai món phát tâm trước là Đại bi, hai món phát tâm sau là Đại trí. Bi và Trí được viên dung là do phát bốn món tâm trên được tròn. Câu hỏi của ngài Phổ Giác giống như trong Kinh Kim Cang câu hỏi của ngài Tu Bồ-đề : “Vân hà ứng trụ?” : (phải trụ tâm như thế nào?).

Đoạn này nói chữ “Phát tâm”, nghĩa là tâm phát nguyện. Như người đời nói “Lập chí”. Nhờ phát nguyện hay lập chí mà người đời tu hành vượt qua bao nhiêu trở lực khó khăn và thúc đẩy sự tu hành mau được thành công. Nếu “Nguyện” rất thiết, thì hạnh mới chuyên cần. Do đó mà mau được kết quả. Các Đức Phật cũng nhờ phát nguyện, rồi y theo nguyện đó tu hành mà được thành đạo chứng quả.

Hành giả nếu không có “nguyện lực” của mình làm động cơ thúc đẩy trên đường tu hành, thì quả Phật khó mà đạt được.

*

8.- PHẬT NÓI BÀI KỆ, TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng :

Phổ Giác ! Ông nên biết :
Các chúng sanh đời sau,
Muốn cầu Thiện tri thức
Phải cầu người chánh kiến,
Tâm xa lìa Nhị thừa,
Và trừ bốn món bịnh :
Làm, dừng, mặc kệ, diệt.
Gần Thầy chớ khinh lờn,
Cách Thầy chớ sâu hận.

**Thấy những cảnh giới lạ,
Tâm phải sanh hy hữu.
Xem như Phật ra đời
Chẳng phạm các tội lỗi
Giới căn hằng thanh tịnh
Độ tất cả chúng sanh
Rốt ráo vào Viên Giác
Không còn tướng ngã, nhưn
Phải y chánh trí huệ
Mới được khỏi tà kiến
Chứng “Giác” vào “Niết-bàn”**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này tóm tắt lại các nghĩa trên : Các chúng sanh đời sau muốn cầu Thiện tri thức phải tìm người chánh kiến. Làm sao biết chánh kiến ? – Là đã trừ bốn bệnh và xa lìa tư tưởng Nhị thừa.

Cách đối xử với Thiện tri thức : khi thân cận chớ nên khinh lờn, khi xa cách chớ nên sầu hận. Khi thấy Thiện tri thức hiện ra cảnh thuận hay nghịch, hành giả chớ nên vì thấy thế mà đổi tâm, phải lấy làm hy hữu và kính như Phật ra đời. Hành giả phải giữ giới hạnh thanh tịnh, không phạm các tội lỗi và độ các chúng sanh, rốt ráo vào Viên Giác.

Hành giả phải y trí huệ chơn chánh, trừ các tướng ngã, nhưn mới khỏi đọa tà kiến và nhập được Viên Giác hay chứng quả Niết-bàn.



BÀI THỨ MƯỜI MỘT

XI.- CHƯƠNG VIÊN GIÁC

- 1- Ngài Viên Giác Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen ngài Viên Giác Bồ-tát.
- 3- Phật dạy pháp an cư
- 4- Phật dạy 21 ngày đầu ở trong tịnh thất
- 5- Phật dạy an cư 3 tháng theo Bồ-tát thừa
- 6- Khi thấy thẳng cảnh, hành giả chớ nên chấp trước
- 7- Tu Chỉ (Xa-ma-tha)
- 8- Tu Quán (Tam-ma-bát-đề)
- 9- Chỉ Quán song tu (Thiền-na)
- 10- Tóm tắt
- 11- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên

XI.- CHƯƠNG VIÊN GIÁC

1.- NGÀI VIÊN GIÁC BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Viên Giác Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật 3 vòng, rồi lạy Phật và chấp tay quỳ thẳng bạch rằng :

– Bạch Đức Đại bi Thế Tôn ! Ngài đã vì chúng con rộng nói các phương tiện để nhập Viên Giác thanh tịnh, khiến cho chúng sanh đời sau đặng lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn ! Chúng con ngày nay đã được khai ngộ rồi. Nếu sau khi Phật nhập diệt, chúng sanh đời sau chưa được khai ngộ, thì làm sao an cư để tu tập cảnh giới Viên Giác thanh tịnh này ? Và ba pháp quán thanh tịnh trong Viên Giác đây, phải tu pháp nào trước ?

Cúi xin Đức Đại bi vì đại chúng và chúng sanh đời sau, bố thí cho chúng con được lợi ích lớn.

Ngài Viên Giác Bồ-tát thưa thỉnh như vậy 3 lần, kính lạy dưới chân Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này ngài Viên Giác Bồ-tát hỏi Phật có hai câu :

1. Làm sao an cư tu Viên Giác thanh tịnh ?
2. Ba môn quán thanh tịnh nên tu pháp nào trước ?

Chữ “*Viên Giác Bồ-tát*”. – Viên Giác là Giác viên mãn. Từ trước đến đây, Phật đã nhiều lần chỉ dạy phương pháp tu hành để phá trừ vô minh và chứng nhập Viên Giác. Nhưng đứng về phương diện tu hành, không phải tu nhứt thời mà chứng được Viên Giác: phải lần lượt như người lau gương, lau nhiều bụi mới sạch. Bụi càng sạch thì gương càng sáng; sáng, sạch đến chỗ hoàn toàn là dụ cho Viên Giác.

Xin nhắc lại, trước về chương “*Tịnh Chư Nghiệp Chướng*” là dạy hành giả làm cho sạch các nghiệp chướng. Nhưng giác tánh chưa được phổ biến. Đến chương “*Phổ Giác*”, Bồ-tát cầu Phật chỉ dạy tu hành cho giác tánh được phổ biến, nhưng chưa Viên. Đến chương Viên Giác là nói Giác tánh viên mãn. Chương này Bồ-tát hỏi Phật về việc an cư và tu ba pháp quán, toàn chú trọng về sự tướng tu trì. Cho biết : Sự chưa tròn là lý chưa viên. Lý viên là nhờ sự tròn. Thí như người tu đức Từ bi, nếu chưa phổ cập đến loài vi tế côn trùng (hộ mạng côn trùng) thì lòng Từ bi chưa tròn.



2.- PHẬT KHEN NGÀI VIÊN GIÁC BỒ-TÁT

Khi ấy Đức Thế Tôn khen ngài Viên Giác Bồ-tát và bảo rằng :

– **Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm ! Ông thưa hỏi Như Lai những phương tiện tu hành, thế là ông bố thí cho chúng sanh lợi ích rất lớn. Vậy các ông nên lắng nghe, Ta sẽ vì các ông mà chỉ giáo.**

Khi ấy ngài Viên Giác Bồ-tát và đại chúng đều hoan hỷ và lắng lắng vâng nghe lời Phật chỉ giáo.

3.- PHẬT DẠY PHÁP AN CƯ

– **Này Thiện nam ! Khi Phật còn tại thế, hoặc**

nhập diệt rồi, hay đời mạt pháp⁽¹⁾ nếu chúng sanh nào có đủ căn tính Đại thừa, tin cái tâm Viên Giác của Phật, phát tâm tu hành; như ở Già Lam (chùa) thì phải lo xếp đặt chúng Tăng, hoặc có những duyên sự khác không thể chuyên tu tập được, thì tùy phận của hành giả, tư duy và quán sát các pháp môn mà Ta đã dạy trước.

Nếu không có nhơn duyên khác, thì hành giả phải lập đạo tràng và định thời kỳ tu tập. Nếu thời gian dài thì 120 ngày, vừa thì 100 ngày, ngắn thì 80 ngày.

Cách bài trí trong tịnh thất, phải treo tràng phan và đủ cả hương hoa. Như Phật còn tại thế thì nên chánh suy nghĩ. Nếu Phật nhập diệt rồi thì an trí hình tượng Phật, mắt nhìn tâm tưởng nhớ, kính đồng như Phật còn hiện tại.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật dạy hai cách :

1.- Người phát tâm tu hành, nếu vì bận rộn việc chùa hoặc các duyên sự khác, không thể nhập Đạo tràng chuyên tu được, thì hành giả nên quán sát các pháp môn của Phật đã dạy, như trong chương Phổ Nhãn v.v...

⁽¹⁾ Chữ "Mạt pháp". – *Giáo pháp của Phật có chia làm 3 thời kỳ :*

1.- Chánh pháp, 1000 năm

2.- Tượng pháp (mường tượng như Chánh pháp) 1000 năm

3.- Mạt pháp (rốt ngọn) 10.000 năm. Hiện nay (2002) Phật lịch 2546, thế là đã sang Mạt pháp 546 năm.

2.- Nếu không có duyên sự gì bận rộn, thì hành giả nên lập Đạo tràng và phân kỳ mà tu tập. Trường kỳ là 120 ngày, trung kỳ là 100 ngày, đoản kỳ là 80 ngày.

Nếu Phật còn tại thế, thì hành giả chỉ chánh tâm nhớ nghĩ Đức Phật, khỏi cần có hình tượng, nếu Phật nhập diệt rồi, thì nên thờ hình tượng Phật để mắt nhìn, tâm tưởng, kính như Phật còn tại thế.



4- PHẬT DẠY 21 NGÀY ĐẦU, Ở TRONG TỊNH THẮT

– Trải qua 21 ngày đầu, hành giả kính lạy danh hiệu của các Đức Phật trong 10 phương và chí thành sám hối. Nếu gặp cảnh giới tốt, thì hành giả tâm được nhẹ nhàng thư thối (khinh an). Qua 21 ngày rồi, hành giả phải chuyên nhiếp vọng niệm.

LƯỢC GIẢI

Người mới tu, giới đức chưa đủ, thân tâm chưa được thanh tịnh, nên không có năng lực tu định huệ. Vì thế nên lúc ban đầu phải lập Đạo tràng. Hành giả trải qua 21 ngày đầu lễ Phật và sám hối. Cũng như cái chén cần rửa cho sạch, mới có thể đựng Đế-hồ được. Hành giả phải nhứt tâm thật hành như vậy, thì thân mới được thanh tịnh. Trong 21 ngày, hoặc căn lành phát hiện, hay có cảm ứng : Hành giả thấy được điểm lành, thời thân tâm sẽ được khoan khoái.

“Cảnh giới tốt” : Như ở trong chiêm bao thấy Phật, hoặc khi làm lễ sám hối thấy hào quang v.v...



5.- PHẬT DẠY AN CƯ 3 THÁNG THEO BỐ-TÁT THỪA

– Nay Thiện nam ! Nếu gặp đầu mùa Hạ, ba tháng an cư, thì hành giả phải an trụ nơi

hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, tâm lìa tư tưởng của Thỉnh-văn, không nhờ đồ chúng.

Đến ngày an cư, hành giả phải đối trước Phật phát nguyện như vậy : “Con là Tỳ-kheo (tên gì) hoặc Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di, nguyện tu theo hạnh tịnh diệt của Bồ-tát thừa, trụ trì nơi thật tướng, lấy Đại Viên Giác làm Già lam (chùa). Thân tâm con an cư nơi “Bình đẳng tánh trí” hay “Tự tánh Niết-bàn” không có hệ thuộc xứ sở.

Con nay chẳng y theo Thỉnh-văn, con kính thỉnh mười phương chư Phật và các vị Bồ-tát, cùng với con đồng làm pháp an cư ba tháng. Con vì một nhơn duyên lớn là tu Bồ-tát hạnh, cầu chứng quả Vô thượng Diệu Giác, nên không hệ phược đồ chúng.

Tu như thế mãn 3 thời kỳ rồi, tùy ý hành giả ra vào vô ngại. Đây gọi là Bồ-tát thị hiện an cư.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này chia làm 3 phần :

1.- Phật dạy hành giả lập thời kỳ tu tập như vậy chưa đủ mà phải an cư 3 tháng, bắt đầu từ rằm tháng tư đến rằm tháng bảy âm lịch. Người phát tâm Bồ-đề tu theo Viên Giác, thì phải an cư theo Bồ-tát hạnh. Nghĩa là không cần phải tập chúng an cư theo luật của Tiểu thừa, mà tâm của hành giả luôn luôn an trụ nơi hạnh thanh tịnh của Bồ-tát. Bởi thế nên trên nguyên văn Kinh nói : “Tâm rời tư tưởng của Thỉnh-văn, không nhờ đồ chúng”.

2.- Đến ngày an cư, hành giả phải đối trước Phật bạch như vậy :

“Con tên... thọ giới Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc (thiện nam) hay Ưu-bà-di (tín nữ); nay y theo pháp Đại thừa, tu theo hạnh tịch diệt của Bồ-tát, lấy Viên Giác làm chùa, thân tâm con thường an trụ nơi “Tự tánh Niết-bàn” hay “Bình đẳng tánh trí”.

3.- Hành giả đối trước Phật phát nguyện rằng :

“Con nay vì muốn tu hạnh Viên Giác nên không theo luật an cư của Thịnh-văn (Tiểu thừa) không tập chúng Tăng an cư, mà con chỉ cầu thỉnh 10 phương chư Phật và Bồ-tát cùng với con làm pháp an cư trong 3 tháng. Hành giả an cư như thế 3 tháng, sau khi mãn thời kỳ rồi, tùy ý tới lui không ngại.

Chữ “*Tịch diệt*”: Diệt các phiền não, tâm được tịch tịnh, tức là nói : y theo tâm chơn như không sanh diệt mà tu.

Chữ “*Thật tướng*”: Tướng chơn thật, tướng này không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm, không bị thời gian thay đổi, không gian chuyển dời, tức là chỉ cho “Chơn như thật tướng”, cũng là cái biệt danh của “Viên Giác”.

“*Viên Giác làm chùa*”. – Tiểu thừa an cư thì lấy sự tướng là cảnh chùa (Già lam) của mình ở, làm nơi tu hành. Bồ-tát an cư thì lấy lý tánh là Viên Giác làm chùa của mình ở tu, nên nói: “Lấy Viên Giác làm chùa”.

“*Bình đẳng tánh trí*”. – Hành giả đã an cư nơi thật tướng, tức là tánh Viên Giác, nên 6 căn ở thân không tạo nghiệp, 6 thức không dong ruổi theo 6 trần.

Lúc bấy giờ 5 thức trước, chuyển lại làm “Thành sở tác trí”; thức thứ 6 chuyển thành “Diệu quán sát trí”.

Khi hành giả chưa an trụ nơi Viên Giác, thì thứ thứ 7 này chấp ngã, nhơn, bỉ thử. Đến khi hành giả an trụ nơi Viên Giác, thì thức thứ 7 chuyển thành “Bình đẳng tánh trí”. Lúc bấy giờ thức thứ 8 không còn bị thức thứ 7 chấp làm “Ngã” nữa, nên thức thứ 8 chuyển thành “Đại viên cảnh trí”.

Chữ "*Niết-bàn tự tánh*": Cũng gọi là "Tự tánh Niết-bàn", tức là biệt danh của Chơn như hay Viên Giác.

Chữ "*Không hệ thuộc xứ sở*": Tiểu thừa an cư phải có cảnh chùa để làm Đạo tràng xứ sở. Đến như Bồ-tát thì chỉ lấy "Niết-bàn tự tánh" làm Đạo tràng, nên nói : "không hệ thuộc xứ sở".

Chữ "*Vô thượng Diệu giác*": Quả vị Phật sáng suốt (giác) mầu nhiệm (Diệu) không có quả vị nào trên (vô thượng).



6.- KHI THẤY THẮNG CẢNH, HÀNH GIẢ CHỖ NÊN CHẤP TRƯỚC

– Này Thiện nam ! Như chúng sanh đời mạt pháp muốn tu hành để cầu đạo Bồ-tát, trong khi vào tu ba thời kỳ này, nếu thấy có các thắng cảnh hiện ra, mà không đúng như hành giả đã nghe thấy, thì quyết không nên chấp thủ.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật dạy hành giả khi tu, nếu thấy hiện ra cảnh giới thù thắng, không nên luyến trước.

Hành giả khi dụng công tu hành, cố nhiên sẽ có cảnh giới thù thắng lạ thường hiện ra. Song nếu sanh tâm chấp trước, không phân biệt chánh tà, thì hành giả dễ mắc lưới Ma. Cho nên hành giả phải thấy các cảnh giới ấy đúng như sự nghe học của mình, nghĩa là lời Phật dạy, hoặc Thiện tri thức bảo hay trong kinh sách dạy như thế nào, thì khi các cảnh ấy hiện ra phải đúng như thế ấy, mới gọi là chơn chính. Trái lại Ngũ ấm ma hiện (nên xem đoạn Ngũ ấm ma, trong Kinh Lăng Nghiêm).

Phàm người tu hành, không ai chẳng như nghe hiểu rồi sanh lòng tin, như có tin mới tu, như có tu mới chứng, chứng là kết quả của nghe, tin và tu. Thế nên tin, hiểu, tu và chứng trước sau phải hiệp nhau. Nếu chỗ chứng (cảnh giới hiện ra) không hiệp

với sự nghe, thì bất luận hiện ra cảnh giới thiện hay ác, cũng đều là ma cả.



7.- TU CHỈ (XA-MA-THA)

– Này Thiện nam ! Như có các chúng sanh tu pháp “Chỉ” (Xa-ma-tha), trước giữ chỗ chí tịnh (rất yên lặng) không khởi vọng niệm nhớ nghĩ; do yên lặng tột bậc nên trí giác hiện ra. Như vậy từ khi mới bắt đầu tịnh và ở một thân cho đến khắp cả một thế giới đều tịnh. Cũng thế, “Trí giác” bắt đầu hiện ra ở một thân cho đến khắp cả, một thế giới đều “Giác”.

– Này Thiện nam ! Khi “Trí giác” đã hiện khắp một thế giới, thì trong thế giới ấy nếu có một chúng sanh nào, móng lên một niệm, lúc bấy giờ hành giả đều biết cả. Cho đến trăm ngàn thế giới cũng thế.

Các cảnh giới ấy, nếu không phải đúng như sự nghe của hành giả, thì quyết chẳng nên chấp thủ.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy hành giả khi tu Định, đến chỗ tột bậc, nên trí giác (huệ) phát sinh. Bởi từ một thân tịnh cho đến một thế giới tịnh, nên trí giác phát ra cũng từ một thân cho đến khắp cả thế giới. Vì cả thế giới đều là “trí giác” của hành giả, nên có một chúng sanh nào vừa móng niệm, thì hành giả đều biết hết.

Song những cảnh giới đã hiện ra, phải đúng như sự thấy nghe mà hành giả đã từng nghe Thiện tri thức hay trong Kinh chỉ dạy, như thế cảnh thấy mới chánh. Nếu trái lại là Ngũ ấm ma hiện.

Ngài Như Sơn nói : “Vi toàn cả thế giới đã thành “giác” nên chúng sanh toàn ở trong giác tánh của hành giả. Bởi thế nên khi chúng sanh khởi ra một niệm gì, thì hành giả đều biết cả. Cũng như bóng đã hiện trong gương, nên gương chiếu không sót”.

Trong Kinh Viên Giác Lược Sớ chép : Hành giả tin, hiểu, tu và chứng tuy thứ lớp không đồng, nhưng phải không khác. Nghĩa là : “Hiểu là hiểu theo chỗ mình tin. Tu là tu theo chỗ mình hiểu. Chứng là chứng theo chỗ mình tu. Nay những cảnh giới của hành giả chứng, nếu không phải đúng như chỗ hiểu, tin và tu, thì không nên chấp thủ.



8.- TU QUÁN (TAM-MA-BÁT-ĐỀ)

– Nay Thiện nam ! Như chúng sanh tu pháp “Quán”, thì trước phải nhớ tưởng mười phương các Đức Phật và các vị Bồ-tát, rồi y theo các pháp môn của Phật dạy đó mà siêng năng cần khổ tuần tự tu hành, đặng thành tam-muội và phát nguyện rộng lớn, tự huân tập thành chủng tử. Trong lúc tu, nếu có hiện ra những cảnh giới gì mà không đúng như chỗ nghe của hành giả, thì chớ nên chấp thủ.

LƯỢC GIẢI

Phật dạy người tu “Quán”, trước phải nhớ tưởng các Đức Phật và Bồ-tát, rồi y theo các pháp môn của Phật dạy mà siêng năng khổ hạnh tuần tự tu hành để thành tam-muội. Và phải phát Đại nguyện huân tập vào tâm thức của hành giả để thành chủng tử.

Trong khi tu, nếu có những cảnh giới gì hiện ra mà không đúng như chỗ của hành giả đã nghe thấy bạn dạy bảo, hay trong Kinh luật chỉ giáo, thì không nên chấp thủ; vì đó là ma hiện.

“Tam-muội” – Xem đoạn giải thứ 2 trong chương Phổ Hiền Bồ-tát.

*

9.- CHỈ QUÁN SONG TU (THIỆN-NA)

– Này Thiện nam ! Nếu có chúng sanh muốn tu Thiện-na (Chỉ, Quán song tu), thì trước phải tu pháp môn sổ tức; trong tâm hành giả biết rõ được mỗi niệm khi sanh, trụ, dị và diệt; phân biệt được ranh giới và số mục của các niệm. Cho đến khắp cả bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi). Hành giả cũng đều hiểu biết phân biệt được rõ ràng số mục các niệm. Lần lượt tăng tiến cho đến trong trăm ngàn thế giới, dù vật nhỏ như một hạt mưa, hành giả cũng đều biết hết; cũng như con mắt thấy các vật dụng. Trong khi tu nếu thấy có hiện ra cảnh giới gì không đúng như sự thấy nghe của hành giả, thì không nên chấp thủ.

Đây là phương tiện đầu tiên tu hành của hành giả, tức là ba pháp quán. Nếu các chúng sanh tinh tấn siêng tu ba pháp quán này được hoàn toàn, tức là Như Lai xuất hiện ở thế gian vậy.

LƯỢC GIẢI

Ngài Viên Giác Bồ-tát hỏi Phật : Hành giả đối với 3 pháp quán, tu pháp nào trước? – Phật dạy trước tu pháp “Chỉ” giữa tu pháp “Quán”, sau “Chỉ, Quán song tu”.

Đoạn này Phật dạy “Chỉ, Quán song tu”. Người tu pháp quán này, trước phải tu pháp Sổ tức (đếm hơi thở). Nhờ có điều hòa hơi thở, nên tâm được tịnh (chỉ); nhờ tâm được tịnh nên những

vọng niệm thô tế, khi sanh, trụ, dị và diệt, giới hạn của nó dài ngắn, lâu mau, nhiều hay ít, hành giả đều biết được hết (quán).

Hành giả tịnh tọa, dụng tâm tu pháp quán như vậy, khi mới thành công, thời trong tất cả thời gian động tịnh như đi, đứng, nằm ngối v.v... Hành giả đều hiểu biết phân biệt được rõ ràng, mỗi niệm, khi sanh, trụ, dị và diệt, giới hạn dài ngắn hay lâu mau và ít nhiều v.v....

Đến lúc thành công hoàn bị, thì trong trăm ngàn thế giới, có những vật gì, cho đến có bao nhiêu hạt mưa, hành giả cũng đều biết được hết. Không phải hành giả hiểu biết một cách lơ mờ, mà hiểu một cách rõ ràng; cũng như mắt xem thấy các sự vật thụ dụng vậy.

*

10.- TÓM TẮT

- Đây Thiện nam ! Nếu chúng sanh đời sau mạng pháp, tâm muốn cầu đạo, nhưng vì nghiệp chướng đời trước nặng nề, căn tánh ám độn, nên tu hành khó thành tựu, thì phải siêng năng sám hối; thường sanh tâm trông mong đoạn trừ phiền não : thương, ghét, tật đố, đối nghịch v.v... và tìm cầu quả vị cao thượng thù thắng.

Đối với ba pháp quán thanh tịnh này, tùy hành giả tu một pháp. Nếu tu pháp quán này không thành tựu thì tu pháp quán khác, phải lần hồi cầu chứng, chớ nên thối tâm buông bỏ.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy : Nếu chúng sanh đời sau căn tánh ám độn, nghiệp chướng nặng nề, muốn cầu Phật đạo, nhưng

không thành tựu, thì phải siêng năng sám hối, tâm thường trông mong đoạn các phiền não. Đối với 3 pháp quán, nếu tu pháp này không thành tựu thì tu pháp quán khác, dốc lòng cầu chứng Đạo, không nên thối tâm.



11.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa này, nên nói bài kệ rằng :

**Viên Giác, ông nên biết :
Tất cả các chúng sanh
Muốn cầu đạo Vô thượng,
Phải lập ba thời kỳ :
Hai mươi mốt ngày đầu
Sám hối nghiệp vô thí,
Vậy sau chánh suy nghĩ;
Nếu phi cảnh đã nghe
Thì chẳng nên chấp thủ.
Pháp “Chỉ” rất tịnh tịch,
Pháp “Quán” chánh nhớ nghĩ,
Thiền-na rõ đếm hơi,
Thế gọi là tịnh quán.
Người siêng năng tu tập.
Thế gọi Phật hiện thế.
Kẻ độn căn chẳng thành,
Thì phải siêng sám hối**

Các tội từ vô thí.
Các tội chương tiêu rồi,
Cảnh Phật liền hiện trước.

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này Phật dạy các chúng sanh muốn cầu đạo vô thượng Bồ-đề, thì phải phân ba thời kỳ tu tập. Khi vào tịnh thất, trong 21 ngày đầu, hành giả phải chí tâm sám hối các nghiệp chương từ vô thí, sau rồi chánh tâm suy nghĩ.

Trong lúc tu, như có hiện ra cho cảnh giới gì, nếu không đúng với chỗ thấy nghe của hành giả, thì chớ nên chấp thủ.

Nếu hành giả nào căn tánh ám độn không thể tu ba pháp môn này được, thì nên siêng năng sám hối các tội từ vô thí; khi các tội chương tiêu diệt rồi, thì cảnh Phật liền hiện ra trước mặt.



BÀI THỨ MƯỜI HAI

XII.- CHƯƠNG HIỂN THIỆN THỦ

- 1- Ngài Hiển Thiện Thủ Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen ngài Hiển Thiện Thủ Bồ-tát.
- 3- Phật nói tên Kinh này.
- 4- Phật nói công đức trì Kinh này.
- 5- Phật khuyên các đệ tử phải bảo hộ người trì Kinh này.
- 6- Các vị Thiện thần phát nguyện bảo hộ người tu hành.

C.- Phần lưu thông

XII.- CHƯƠNG HIỀN THIỆN THỦ

1.- NGÀI HIỀN THIỆN THỦ BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ngài Hiền Thiện Thủ Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng :

- Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng con và các chúng sanh đời sau, rộng rãi giảng dạy cho chúng con hiểu ngộ được những việc không thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn :

- Kinh Đại thừa này tên gì ?

- Chúng con làm sao phụng trì ?

- Chúng sanh tu theo Kinh này sẽ được công đức gì ?

- Chúng con làm sao bảo hộ những người thọ trì Kinh này ?

- Phải truyền bá Kinh giáo này ở địa vị nào ?

Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ-tát, thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đoạn Kinh này có hai phần :

a) Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ-tát tán thán Phật, vì chúng sanh giảng giải những việc không thể nghĩ bàn.

b) Bồ-tát hỏi Phật 5 điều :

- 1- Kinh này tên là Kinh gì ?
- 2- Làm sao phụng trì ?
- 3- Chúng sanh tu theo Kinh này sẽ được công đức gì ?
- 4- Làm sao bảo hộ những người thọ trì Kinh này ?
- 5- Truyền bá Kinh này ở địa vị nào ?

*

2.- PHẬT KHEN NGÀI HIỀN THIỆN THỦ BỒ-TÁT

Khi ấy Đức Thế Tôn khen ngài Hiền Thiện Thủ Bồ-tát và dạy rằng :

– Nay Thiện nam, hay lắm và quý lắm ! Ông vì các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai tên Kinh và công đức trì Kinh này, các ông nên chăm chú nghe lời Ta chỉ giáo.

LƯỢC GIẢI

Vì muốn cho mưa Pháp gội nhuần chúng sanh đời sau, nên ngài Hiền Thiện Thủ Bồ-tát đứng lên thưa hỏi Phật về việc thọ trì và truyền bá Kinh này. Đoạn này Phật khen ngài Hiền Thiện Thủ và bảo phải chăm chú nghe lời Phật chỉ giáo.

*

3.- PHẬT NÓI TÊN KINH NÀY

– Nay Thiện nam ! Kinh này không phải chỉ một mình Ta nói, mà các Đức Phật trong mười phương nhiều như trăm ngàn muôn ức

lần số cát sông Hằng, cũng đều nói Kinh này. Các Đức Phật trong ba đời đều bảo hộ Kinh này. Mười phương các vị Bồ-tát đều quy y Kinh này. Kinh này là tròng con mắt của 12 bộ Kinh. Kinh này có 5 tên :

- 1.- Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni Kinh**
- 2.- Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh**
- 3.- Bí Mật Vương Tam Muội Kinh**
- 4.- Như Lai Quyết Định Cảnh Giới Kinh.**
- 5.- Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt Kinh**

Các ông phải hết lòng cung kính phụng trì Kinh này.

LƯỢC GIẢI

Kinh này nói về tánh “Viên Giác”. Người ngộ nhập được tánh Viên Giác thì thành Phật, còn không ngộ được thì làm chúng sanh.

Mục đích của Phật ra đời là độ chúng sanh thành Phật song chúng sanh có nhập Viên Giác mới được thành Phật. Vì thế nên hằng sa Đức Phật ra đời, đều nói Kinh Viên Giác.

Vì Kinh Viên Giác này rất quý báu như thế, nên các Đức Như Lai trong 3 đời thường giữ gìn và bảo hộ Kinh này.

Mười phương các vị Bồ-tát cũng đều quy y Kinh này, vì quy y Kinh này là quy y tánh Viên Giác.

Giáo pháp của Phật tuy nhiều, nhưng tóm lại chia ra có 12 bộ Kinh. Kinh nào cũng đều nhắm vào một mục đích là dạy chúng sanh tu hành thành Phật; mà muốn thành Phật thì phải nhập Viên Giác. Bởi thế nên Kinh này là tròng con mắt của 12 bộ Kinh.

“12 bộ Kinh”. – Phật ra đời thuyết pháp 40 năm, tóm lại có 3 tạng : *Kinh, Luật và Luận*; phân ra 12 bộ, tức là 12 loại.

Có bài kệ tóm 12 bộ kinh :

**Trường hàng, Trùng tụng và Cô khởi
Thí dụ, Nhơn duyên cùng Tự thuyết
Bổn sanh, Bổn sự, Vị tăng hữu
Phương quảng, Luận nghị và Ký biệt.**

Kinh này có nhiều đức tánh và nhiều công dụng, nên có nhiều tên :

a) Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni Kinh

Tánh Viên Giác Quảng đại phương viên bao trùm và giữ gìn các pháp.

“Đà-la-ni”, Hán dịch là “Tổng Trì”: Bao trùm gìn giữ. Đà-la-ni có bốn thứ:

1.- *Pháp Đà-la-ni*. – Chỉ một chữ, một danh hiệu hay một câu, mà bao trùm tất cả chữ, tất cả danh hiệu và tất cả câu.

2.- *Nghĩa Đà-la-ni*. – Như nói Chơn như, Duy tâm, Duy thức, Pháp giới v.v... đều đã tóm thâu sự vật sai biệt.

3.- *Định Đà-la-ni*. – Do sức Định mà tinh thần thống nhất tập trung lại, nên phát huy được lực lượng rất mạnh, nhờ đó mà thành tựu được nhiều môn Định (Định Tổng Trì)

4.- *Chú Đà-la-ni*. – Tức là thần chú. Do hành giả tập trung tinh thần trì chú, nên có sức mạnh làm cho hành giả được toại bản nguyện của mình.

b) “Tu Đa La Liễu Nghĩa”. – Chữ “Tu Đa La”, Hán dịch là Khế Kinh”. Nghĩa là Kinh này hiệp với chơn lý và căn cơ của chúng sanh.

Chữ “*Liễu Nghĩa*”: *Nghĩa lý rốt ráo đúng đắn. Kinh của Phật có hai loại :*

1.- *Bất Liễu Nghĩa Kinh* là những bộ Kinh Phật tùy quốc độ, tùy thời đại và tùy căn cơ, mà phương tiện nói ra, như các Kinh về Tiểu thừa, nghĩa lý chưa rõ ràng.

2.- *Liễu Nghĩa Kinh* là những bộ Kinh nghĩa lý rõ ràng đúng đắn. Phật nói đúng chân lý không có tùy thời cơ v.v... Như các Kinh Đại thừa. Kinh “Viên Giác” đây thuộc về Kinh Liễu nghĩa.

c) “**Bí Mật Vương Tam-muội**”. – Chữ “Tam-muội” tức là “Tam-ma-địa” Tàu dịch :

- 1.- Đẳng trì
- 2.- Chánh định
- 3.- Chánh thụ
- 4.- Chánh tư duy

“Viên Giác Tam-muội này cao cả hơn các pháp Tam-muội, cho nên gọi là “Vương” (Vua).

Chữ “*Bí mật*”. – Pháp Viên Giác Tam-muội này, duy có Phật mới hoàn toàn thấu rõ được; ngoài ra như chúng sanh thời không biết, cho đến bậc Đẳng giác Bồ-tát cũng chưa có thể thấu tột được, cho nên nói là “bí mật”.

d) “**Như Lai Quyết Định Cảnh Giới Kinh**”. – Cảnh giới Viên Giác này duy có Đức Như Lai mới quyết định chứng nhập được. Từ bậc Đẳng giác Bồ-tát trở xuống, ở trong vòng cầu chứng nhập, nên chưa quyết định được.

e) “**Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt Kinh**”. – Chữ “Như Lai Tạng”, nghĩa là “Như Lai” còn tại triển. Bởi các vọng huyện chưa viễn ly. Giác tánh chưa phát hiện. Nghĩa là “quả Đức Như Lai” còn bị tiềm tàng ẩn phục trong tâm của chúng sanh; tức là tánh Viên Giác còn bị triển phục vậy.

Chữ “*Tự tánh*” : Tánh Viên Giác tuy ở trong huyện vọng mà vẫn sáng suốt thanh tịnh không thay đổi nên gọi là “tự tánh”.

Chữ “*Sai biệt*” : Tánh Viên Giác tùy duyên ứng hiện ra các pháp sai khác, nên gọi là “sai biệt”.

4.- PHẬT NÓI CÔNG ĐỨC TRÌ KINH NÀY

- Này Thiện nam ! Kinh này nói về cảnh giới của Như Lai, nên duy có Phật mới hay biết, còn các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, chỉ y theo đây tu hành lần hồi tiến đến địa vị Phật.

Này Thiện nam ! Kinh này tên “Đại Thừa Đốn Giáo”. Những chúng sanh đốn cơ mới có thể do Kinh này được khai ngộ. Kinh này cũng tiếp độ các chúng sanh về tiệm tu. Bởi thế nên Kinh này cũng như biển cả, không nhượng các dòng sông nhỏ. Lớn như thần A-tu-la và nhỏ như loài mòng muối, uống nước biển đều no bụng cả.

Này Thiện nam ! Giả sử có người dùng toàn 7 món báu, chứa đầy cả đại thiên thế giới, đem ra bố thí; công đức của người ấy rất lớn, nhưng không bằng có người nghe tên Kinh này, cho đến chỉ nghe nghĩa một câu, công đức người này nhiều hơn.

Này Thiện nam ! Giả sử có người giáo hóa chúng sanh tu hành chứng được quả A-la-hán nhiều đến trăm lần số cát sông Hằng, nhưng không bằng có người giảng nói Kinh này, cho đến rất ít là chỉ giảng nửa bài kệ, công đức của người sau này nhiều hơn.

Này Thiện nam ! Nếu có người nghe Kinh này tin tưởng không nghi ngờ, thì biết người đó

đã trồng phước huệ không những ở một đời Phật, hoặc hai đời Phật, mà người này đã trồng căn lành từ nhiều đời Phật, như số cát sông Hằng; cho nên nay nghe đến Kinh này mới hay tin thọ.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này có 5 phần :

I.- Kinh này nói về cảnh giới Viên Giác, nên duy có Phật mới hay thấu triệt, còn từ các vị Bồ-tát trở xuống chỉ y theo đây tu hành mà thôi.

II.- Kinh này thuộc về Đại thừa Đốn giáo, nên rất hợp với những người căn cơ Đại thừa đốn ngộ. Song Kinh này cũng tiếp độ những người căn cơ Tiểu thừa tiệm tu; thí như biển cả không nhường các dòng sông. Tất cả chúng sanh lớn như A-tu-la (dự Đại thừa), nhỏ như mòng muối (dự Nhị thừa) uống nước biển đều được no cả.

“Đốn giáo”. – Ngài Hiền Thủ phân Tam tạng Kinh giáo của Phật làm năm thời :

- 1.- Tiểu (Tiểu thừa)
- 2.- Thỉ (Đại thừa Thỉ giáo)
- 3.- Chung (Đại thừa rốt ráo)
- 4.- Đốn (Đại thừa đốn giáo – Chữ “Đốn” là mau lẹ, nhanh chóng).
- 5.- Viên (Đại thừa viên mãn).

Ngài Thiên Thai lại phân làm bốn thời:

- 1.- Tạng (Tiểu thừa tạng giáo)
- 2.- Thông (Thông đến Đại thừa)
- 3.- Biệt (Đặc biệt Đại thừa)
- 4.- Viên (Đại thừa Viên giáo)

III.- Phật dạy người thọ trì Kinh này, công đức quý hơn người bố thí bảo vật. Người dùng 7 món báu đựng đầy cả Đại thiên thế giới, đem bố thí cho chúng sanh, công đức của người ấy tuy lớn, nhưng thuộc về phần phước hữu lậu, nên chỉ hưởng trong một thời gian rồi hết. Không bằng người nghe tên Kinh này, cho đến chỉ nghe một câu nghĩa, tuy rằng ít, nhưng đã gieo được hạt giống vô lậu thanh tịnh, không sớm thì muộn, thế nào cũng được quả vô lậu, nên quý hơn tài thí.

IV.- Người giảng Kinh này, công đức nhiều hơn người giáo hóa vô số hàng Nhị thừa. Vì giáo hóa vô số người chứng quả Nhị thừa, công đức tuy lớn, nhưng chỉ thuộc về Tiểu thừa quả, nên không bằng người y theo Kinh Liễu nghĩa Đại thừa giảng nói một câu hay một bài kệ, làm cho người ngộ được tánh Viên Giác, không sớm thì chày người ấy quyết định sẽ được thành Phật. Ví như các ngôi sao tuy nhiều, nhưng sáng không bằng một mặt trăng.

V.- Người nghe Kinh này mà sanh tâm vui mừng, ham mộ và tin tưởng, không nghi ngờ, thì biết người này đã có trồng hạt giống Đại thừa, từ nhiều đời Đức Phật.



5.- PHẬT KHUYÊN CÁC ĐỆ TỬ PHẢI BẢO HỘ NGƯỜI TRÌ KINH NÀY

- Nay Thiện nam ! Các ông phải bảo hộ những người tu hành đời mạt pháp, chớ để cho các loài ác ma và ngoại đạo làm nhiễu loạn thân tâm của người tu hành, khiến cho họ thối tâm.

LƯỢC GIẢI

Đời mạt pháp, chúng ngoại đạo tà sư rất thịnh hành, hay làm nhiễu loạn người tu hành. Nếu không bảo vệ giữ gìn, thì hành giả sẽ bị chúng ma nhiễu hại, rồi thối chí ngã lòng.



6.- CÁC VỊ THIÊN THẦN PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ NGƯỜI TU HÀNH

Khi ấy ở trong pháp hội có tám vạn Thần Kim Cang như ông Hỏa Đầu Kim Cang, Tồi Toái Kim Cang, Ni Lam Bà Kim Cang, cùng với quyến thuộc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh bên hữu Phật ba vòng, rồi kính cẩn lạy Phật và thưa rằng :

- Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng sanh đời sau, có người nào thọ trì Kinh Đại thừa này, thì chúng con nguyện bảo hộ người ấy như giữ gìn tròng con mắt; cho đến chỗ đạo tràng của người này tu hành, chúng con cũng nguyện dẫn hết binh tướng đến đó, sớm chiều bảo hộ, khiến cho họ chẳng thối chuyển. Chỗ nhà cửa của người này ở, hàng không có tai chướng, các tật bệnh đều tiêu hết, của báu giàu có, thường chẳng thiếu thốn.

Khi ấy ông Đại Phạm vương và 28 vị Thiên vương, cùng ông Tu-Di Sơn vương và Hộ Quốc Thiên vương v.v... đều đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, kính cẩn lạy Phật và thưa rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng nguyện bảo hộ người thọ trì Kinh này, thường được an ổn, tâm chẳng thối lui.

Khi ấy Đại Lực Quỷ vương, tên là Cát Bàn Trà cùng với 10 vạn Quỷ vương, đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, kính cẩn lạy Phật và thưa rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện sớm chiêu hộ vệ người thọ trì Kinh này, khiến cho họ không thối lui. Chỗ của người trì Kinh ở, trong khoảng một do tuần (10 dặm) nếu có chúng quỷ thần nào đến xâm phạm cảnh giới này, thì chúng con sẽ đập nó nát như vi trần.

Khi ấy tất cả đại chúng như các vị Bồ-tát, Thiên Long, Quỷ thần, quyền thuộc của 8 bộ quỷ thần và chư Thiên, Phạm vương v.v... nghe Phật nói Kinh này rồi đều hoan hỷ, tín thọ và phụng hành.

LƯỢC GIẢI

Chương thứ 12 này là nói về việc truyền bá lưu thông. Thỉnh chúng trong pháp hội, trên từ các vị Đại Bồ-tát, dưới cho đến chúng quỷ thần, nghe Phật nói Kinh này, từ chương thứ nhất là chương Văn Thù, cho đến chương thứ 11 là chương Viên Giác rồi, tất cả đều lấy làm quý báu vô cùng, lợi lạc cho chúng sanh vô tận, nên hơn hờ vui mừng, tin thọ và phụng hành. Bởi thế nên các vị Thiện Thần đều phát nguyện bảo hộ Kinh và triệt để ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh này.

Chúng ta chắc đã có trồng căn lành từ nhiều đời trước, cho nên hôm nay mới có diễm phúc được nghe Kinh này. Ước mong quý vị mỗi người nên phát Bồ-đề tâm tu hành và truyền bá Kinh này được phổ cập quần sanh. Thế là chúng ta đã đến đáp được ơn Phật mà cũng thực hành theo hạnh Phật là “Tự giác giác tha, giác hạnh Viên Giác”.

CHUNG



MỤC LỤC

KHÓA V

- Lời nói đầu 5
- Bài thứ nhất : Lịch sử Phật giáo Ấn Độ 9
- Bài thứ hai : Lịch sử Phật giáo Trung Hoa 29
- Bài thứ ba : Lịch sử Phật giáo Việt Nam 43
(từ lúc du nhập đến hết đời Lý)
- Bài thứ tư : Lịch sử Phật giáo Việt Nam 67
(từ nhà Trần đến các vị vua đầu nhà Nguyễn)
- Bài thứ năm : Phong trào chấn hưng Phật giáo 86
- Bài thứ sáu : Mười Tôn phái Phật giáo ở Trung Hoa..... 105
 - Luật tôn..... 108
 - Tịnh độ tôn..... 120
 - Thiền tôn..... 136
- Bài thứ bảy : Mười tôn phái Phật giáo ở Trung Hoa..... 205
(tiếp theo)
 - Duy thức tôn hay là Pháp tướng tôn 207
 - Mật tôn..... 237
 - Pháp Hoa tôn hay là Thiên Thai tôn 247
- Bài thứ tám : Mười tôn phái Phật giáo ở Trung Hoa..... 263
(tiếp theo)
 - Hoa Nghiêm tôn..... 265
 - Tam Luận tôn hay là Tánh Không tôn 291

- Câu Xá tôn hay là Hữu tôn.....	295
- Thành Thật tôn.....	308
- Bài thứ chín : Vũ trụ quan Phật giáo	323
- Bài thứ mười : Nhân sinh quan Phật giáo	346

KHÓA VI - VII

- Thay lời tựa.....	371
- Bài thứ nhất : Phần Duyên khởi	373
- Bài thứ hai : Bảy đoạn Phật hỏi về tâm	384
- Bài thứ ba : A Nan cầu Phật dạy phương pháp tu hành lần thứ hai.....	397
- Bài thứ tư : A Nan cầu Phật chỉ cái “điên đảo”	413
- Bài thứ năm : A Nan nghi : Nếu cái “thấy” là mình thì thân tâm này là ai ?	427
- Bài thứ sáu : A Nan không hiểu hỏi Phật.....	442
- Bài thứ bảy : Hư không tử chơn tâm biến hiện.....	459
- Bài thứ tám : Ông Phú Lô Na hỏi Phật hai câu quan trọng.....	472
- Bài thứ chín : Phật dạy Chơn tâm phi tất cả tướng	448
- Bài thứ mười : A Nan thuật lại chỗ mình đã ngộ.....	502
- Bài thứ mười một : Ngài A Nan hỏi Phật : Trói cột ở chỗ nào và làm sao mở được.....	515
- Bài thứ mười hai : Ngài A-Nan hỏi Phật pháp tu viên thông.....	525
- Bài thứ mười ba : Phật bảo ngài Văn Thù lựa pháp tu viên thông.....	568

- Bài thứ mười bốn : Phật dạy trì chú Lăng Nghiêm..... 586
- Bài thứ mười lăm : - Mười món ma về Thọ ẩm 610
 - Mười món ma về Tưởng ẩm 616
- Bài thứ mười sáu : - Mười món ma về Hành ẩm..... 627
 - Mười món ma về Thức ẩm 635

KHÓA VIII

- Thay lời tựa 651
- Lời dịch tác giả 653
- Kinh Viên Giác (phiên dịch và lược giải) 659
- Bài thứ nhất : Chương Văn Thù 661
- Bài thứ hai : Chương Phổ Hiền 670
- Bài thứ ba : Chương Phổ Nhân 680
- Bài thứ tư : Chương Kim Cang Tạng 702
- Bài thứ năm : Chương Di Lạc Bồ-tát 716
- Bài thứ sáu : Chương Thanh Tịnh Huệ 736
- Bài thứ bảy : Chương Oai Đức Tự Tại 748
- Bài thứ tám : Chương Biện Âm 759
- Bài thứ chín : Chương Tịnh Chư Nghiệp Chướng 778
- Bài thứ mười : Chương Phổ Giác 799
- Bài thứ mười một : Chương Viên Giác 815
- Bài thứ mười hai : Chương Hiền Thiện Thủ 830